PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Cao Bằng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Cao Bằng và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Cao Bằng
2	Huyện Bảo Lạc
3	Huyện Bảo Lâm
4	Huyện Hạ Lang
5	Huyện Hà Quảng
6	Huyện Hòa An
7	Huyện Nguyên Bình
8	Huyện Phục Hòa
9	Huyện Quảng Uyên
10	Huyện Thạch An
11	Huyện Thông Nông
12	Huyện Trà Lĩnh
13	Huyện Trùng Khánh

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 39"	106° 13' 22"					F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 40' 53"	106° 13' 49"	22° 40' 46"	106° 12' 07"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lằng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 29"	106° 12' 35"					F-48-33-C
xóm Bản Lằng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lày	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 17"	106° 12' 40"					F-48-33-C
xóm Bản Mới	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 36"	106° 13' 08"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 41' 23"	106° 13' 55"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 52"	106° 13' 29"					F-48-33-C
nhà máy gang thép	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 12' 54"					
xóm Giấy	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Cút	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
Khau Mị	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 24"	106° 12' 16"					F-48-33-C
miếu Khau Roọc	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Roọc	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Xả	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 44"	106° 12' 16"					F-48-33-C
Khuổi Kép	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 39' 12"	106° 12' 25"					F-48-33-C
khu di tích Lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giong	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 38"	106° 12' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Quác	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 12' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Tanh	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 57"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 12' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sông Măng	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 34"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoáng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 02"	106° 13' 14"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoáng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Vò Dặm	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 05"	106° 12' 41"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 26"	106° 15' 04"	22° 39' 41"	106° 15' 31"	F-48-33-D
tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 00"	106° 15' 24"					F-48-33-D
sông Hiến	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 04"	22° 39' 39"	106° 15' 23"	F-48-33-D
chùa Phố Cũ	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sân vận động Thị xã	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 16"	106° 15' 19"					F-48-33-D
nền nhà Tỉnh ủy Cao Bằng	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							
quốc lộ 3	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 28"	106° 14' 50"	F-48-32-C
đường tỉnh 203	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 34"	106° 14' 07"	22° 41' 31"	106° 14' 07"	F-48-32-C
xóm Bản Vuộm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 14' 34"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-C
Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 15' 04"					F-48-32-C
xóm Gia Binh	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Gia Cung	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
cầu Gia Cung	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 28"	106° 14' 50"					F-48-32-C
xóm Giả Ngăm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 01"	106° 14' 16"					F-48-33-C
xóm Khau Thúa 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thúa 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thúa 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khuối Đứa	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Nà Bám	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 31"	106° 14' 09"					F-48-33-C
xóm Nà Kéo	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 53"	106° 15' 28"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Pế	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 59"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sang	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Xưởng Gỗ	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 1	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 2	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 3	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 4	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 20	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 23	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 24	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
đền Bà Hoàng	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-D
đường Lê Lợi - Pắc Pó	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 59"	106° 16' 33"	22° 40' 21"	106° 15' 30"	F-48-33-D
đồi Nà Phầy	SV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng	22° 39' 33"	106° 16' 44"					F-48-33-D
tổ 1	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 53"	106° 13' 49"	F-48-32-C
tổ 4	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 5	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 6	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 7	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 8	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 9	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 10	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 11	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 14' 27"					F-48-33-C
tổ 12	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 13	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 14	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 15	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 16	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 17	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 18	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 19	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 20	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 21	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 22	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 23	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 24	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 25	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 26	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 27	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 28	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 29	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 30	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 31	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 32	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 03"	22° 41' 04"	106° 13' 54"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 39' 26"	106° 15' 12"	22° 40' 25"	106° 15' 03"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 11	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 20	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 39' 14"	106° 16' 05"					F-48-33-D
núi Địa Chất	SV	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 38' 39"	106° 15' 36"					F-48-33-D
pháo đài Quân sự tỉnh	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng			22° 35' 02"	106° 18' 38"	22° 37' 34"	106° 17' 34"	F-48-33-D
xóm Bản Nứn	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 56"	106° 19' 29"					F-48-33-D
xóm Bó Giới	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 57"	106° 20' 20"					F-48-33-D
xóm Cốc Gằng	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 45"	106° 17' 55"					F-48-33-D
cầu Cốc Gằng	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 38"	106° 18' 04"					F-48-33-D
núi Đông Đan	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 49"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khau Tén	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 41"	106° 17' 01"					F-48-33-D
xóm Khuổi Sảo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 12"	106° 17' 46"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 28"	106° 20' 18"					F-48-33-D
xóm Nà Chang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 04"	106° 18' 53"					F-48-33-D
xóm Nà Dìa	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 34' 45"	106° 19' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Sảo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 23"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Nà Tâu - Boong Quang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 15"	106° 17' 40"					F-48-33-D
xóm 1	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 43"	106° 16' 56"					F-48-33-D
xóm 2	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 16' 53"					F-48-33-D
xóm 3	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 14"	106° 16' 46"					F-48-33-D
xóm 4	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 06"	106° 17' 11"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 37' 34"	106° 17' 34"	22° 38' 45"	106° 16' 33"	F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 36' 29"	106° 17' 31"	22° 38' 44"	106° 16' 41"	F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Búng Bái	SV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 17' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Đoỏng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 16' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Lủng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 21"	106° 16' 42"					F-48-33-D
mỏ sắt Nà Lủng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Thỏ	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 03"	106° 17' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Thơm	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 40"	106° 17' 28"					F-48-33-D
Trại giam	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 40"	106° 17' 13"					F-48-33-D
Nhà máy Xi măng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 48"	106° 17' 39"					F-48-33-D
xóm 4A1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4A2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4B1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm 4B2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng			22° 38' 48"	106° 14' 38"	22° 39' 26"	106° 15' 12"	F-48-33-D
xóm Nà Chướng 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Chướng 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Gà	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 20"	106° 14' 46"					F-48-33-C
xóm Nà Hoàng	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 38"	106° 14' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Lắc	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 45"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Rụa	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 36"	106° 15' 01"					F-48-33-D
nhà máy Nước	KX	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 14' 01"					F-48-33-D
xóm Pác Cáy	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 56"	106° 15' 03"					F-48-33-D
xóm Tân An 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 3	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 4	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
núi Thiên Phân	SV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 14' 38"					F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 46"	106° 12' 07"	22° 39' 55"	106° 11' 42"	F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 40"	106° 11' 51"	22° 39' 59"	106° 10' 49"	F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 2 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 55"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm 3 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 34"	106° 11' 52"					F-48-33-C
xóm 3 Ngọc Quyến	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 47"	106° 11' 30"					F-48-33-C
xóm 4 Ngọc Quyến	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 13"	106° 11' 21"					F-48-33-C
xóm 5 Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 42' 00"	106° 11' 00"					F-48-33-C
xóm Bản Làng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 42' 23"	106° 10' 52"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Cốc Mười	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
xóm Đà Quận	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 11' 00"					F-48-33-C
chùa Đà Quận	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 54"	106° 10' 56"					F-48-33-C
xóm Đồng Chúp	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 44"	106° 11' 52"					F-48-33-C
chùa Đống Lân	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 06' 48"					F-48-33-C
xóm Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Khau Đồn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 31"	106° 11' 13"					F-48-33-C
xóm Khau Tòng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 12"	106° 11' 10"					F-48-33-C
xóm Pác Phiêng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
đền Quan Triều	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 31"	106° 14' 07"	22° 42' 02"	106° 11' 33"	F-48-33-C
xóm Bản Ngần	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 57"	106° 03' 53"					F-48-33-C
xóm Bản Tại	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 04"	106° 12' 14"					F-48-33-C
xóm Bản Thín	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 11"	106° 12' 07"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 42"	106° 12' 06"	22° 41' 23"	106° 13' 55"	F-48-33-C
xóm Đồng Cống	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 49"	106° 13' 51"					F-48-33-D
xóm Đức Chính 1	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C
xóm Đức Chính 2	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Đức Chính 3	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đền Kỳ Sầm	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 40"	106° 14' 00"					F-48-33-C
xóm Lỏ Ngọa	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 03' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Chiêm	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 02"	106° 12' 57"					F-48-33-D
núi Nà Lin	SV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 15"	106° 12' 48"					F-48-33-C
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 57"	106° 12' 04"					F-48-33-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
xóm Vò Đuồn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 03"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm Vò Tấu	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 42"	105° 40' 24"					F-48-32-A
tổ dân phố 2	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 45"	105° 40' 27"					F-48-32-A
tổ dân phố 3	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 40' 30"					F-48-32-A
tổ dân phố 4	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 51"					F-48-32-A
tổ dân phố 5	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 43"	105° 40' 58"					F-48-32-A
tổ dân phố 6	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 05"	105° 40' 34"					F-48-32-A
tổ dân phố 7	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 53"	105° 40' 21"					F-48-32-A
tổ dân phố 8	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 40' 13"					F-48-32-A
tổ dân phố 9	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
tổ dân phố 10	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 34"	105° 40' 22"					F-48-32-A
tổ dân phố 11	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 07"	105° 40' 45"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 28"	105° 40' 18"	22° 57' 35"	105° 40' 10"	F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 1	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 2	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
núi Khuổi Tậu	SV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 08"	105° 39' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Chùa	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 37"	105° 40' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Dường	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
suối Nà Dường	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 56"	105° 41' 15"	22° 56' 57"	105° 40' 32"	F-48-32-A
xóm Nà Pằn	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 53"	105° 40' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Phạ	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 03"					F-48-32-A
xóm Nà Sài	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sông Neo	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 40"	105° 39' 59"	22° 57' 16"	105° 40' 49"	F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Pẹt	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 16"	10° 54' 27"	22° 56' 48"	105° 42' 12"	F-48-32-A
chùa Vân An	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
quốc lộ 34	KX	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 12"	105° 38' 44"	22° 56' 11"	105° 35' 03"	
xóm Bản Lũng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 49"	105° 34' 32"					F-48-32-A
xóm Bản Rùng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 13"	105° 38' 06"					F-48-32-A
núi Cáng Lò	SV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 54"	105° 34' 27"					F-48-32-A
xóm Cốc Chom	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 35"	105° 34' 09"					F-48-32-A
xóm Cốc Lùng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 30"	105° 35' 32"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 19"	105° 38' 47"	22° 56' 11"	105° 33' 58"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 52"	105° 36' 46"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pết	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 56"	105° 34' 33"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rặp	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 55' 47"	105° 35' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Ròa	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 48"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Siêm	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 37"	105° 38' 11"					F-48-32-A
xóm Po Pán	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 59' 53"	105° 35' 31"					F-48-32-A
Đồn Biên phòng Cô Ba	KX	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 36"	105° 45' 21"					F-48-32-B+20-D
Cốc Nạc	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 25"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
bản Diều	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 04"	105° 44' 07"					F-48-20-C
núi Đông Pu	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 42' 21"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 37"	105° 47' 13"	22° 56' 48"	105° 41' 26"	F-48-32-A; F-48-32-B+20-D
suối Giuồng	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 02' 04"	105° 44' 54"	23° 01' 09"	105° 45' 29"	F-48-32-A
xóm Khuổi Giào	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 58"	105° 44' 22"					F-48-32-A
thung lũng Láo Lú	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 51"	105° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
Lẻn Trí	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 10"	105° 45' 42"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Cuổng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 02"	105° 44' 45"					F-48-20-C
Lũng Giàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 33"	105° 44' 13"					F-48-20-C
Lũng Nà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 31"	105° 43' 21"					F-48-20-C
Lũng Rào	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 46' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tạc	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 44' 23"					F-48-20-C
xóm Lũng Vầy	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc							
Luộc Xà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 15"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
Lý Lủng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 45"	105° 43' 08"					F-48-20-C
núi Mo Thiên Lính	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 57"	105° 46' 05"					F-48-32-B+20-D
Nà Bẳng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 48"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Bốp	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 31"	105° 44' 21"					F-48-32-A
Nà Bửn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 44' 24"					F-48-32-A
Nà Cắm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 44' 04"					F-48-32-A
Nà Đin	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 04"	105° 44' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Đôm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 20"	105° 42' 54"					F-48-32-A
Nà Đông	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 01"	105° 44' 47"					F-48-32-B+20-D
Nà Hún	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 43"	105° 44' 32"					F-48-32-A
Nà Lai	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 42' 16"					F-48-32-A
Nà Làng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 46"	105° 43' 36"					F-48-32-A
Nà Lèng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 19"	105° 43' 27"					F-48-20-C
xóm Nà Lùng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"					F-48-32-A
Nà Mỏ	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Phát	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 10"	105° 45' 07"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Rào	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 59"	105° 45' 51"					F-48-32-B+20-D
Nà Riền	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 13"	105° 44' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Tao	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc							
xóm Ngàm Lồm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc							
núi Ngàm Lồm	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 50"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D
suối Nồm	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			22° 59' 43"	105° 44' 14"	22° 58' 37"	105° 44' 19"	F-48_32-B+20-D
Pác Đin	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 42' 00"					F-48-32-A
núi Pắc Đin	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 36"	105° 41' 46"					F-48-32-A
đồi Pác Kéo	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 00"	105° 43' 57"					F-48-20-C
Phia Đeng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 51"	105° 43' 49"					F-48-20-C
Phiêng Lù	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 45' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Mòn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 45' 31"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Sáng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 41"	105° 44' 42"					F-48-32-A
Phiêng Tàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 55"	105° 42' 56"					F-48-32-A
Phiêng Vằng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 45' 31"					F-48-32-B+20-D
suối Sáp Hò Sấy	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 58"	105° 45' 06"	23° 01' 09"	105° 45' 30"	F-48-32-A
bản Tam	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"					F-48-32-A
Tềnh Nà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 40"	105° 45' 32"					F-48-32-B+20-D
sườn Thiêng Qua	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 46' 39"					F-48-32-B+20-D
lũng Vầy	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 26"	105° 43' 29"					F-48-20-C
đường tỉnh 217	KX	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			22° 59' 46"	105° 38' 46"	23° 03' 15"	105° 34' 55"	F-48-20-C; F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chè Lếch	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 20"					F-48-20-C
suối Cốc Cầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 21"	105° 36' 21"	23° 00' 13"	105° 38' 12"	F-48-20-C
xóm Cốc Mòn	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	105° 37' 53"					F-48-20-C
suối Cốc Mòn	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 10"	105° 37' 58"	23° 00' 22"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Cốc Muồi	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 44"					F-48-20-C
xóm Cốc Pàng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 14"	105° 34' 54"					F-48-20-C
xóm Cốc Sâu	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 36"	105° 34' 48"					F-48-20-C
suối Cốc Sâu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 22"	105° 37' 25"	22° 59' 46"	105° 38' 42"	F-48-20-C; F-48-32-A
Cốc Sỳ	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 19"	105° 40' 14"					F-48-20-C
xóm Khuổi Đắm	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 52"	105° 38' 47"					F-48-20-C
Khuổi Khau	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc							
Khuổi Là	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 19"	105° 34' 27"					F-48-20-C
xóm Khuổi Sá	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 22"	105° 36' 11"					F-48-20-C
xóm Khuổi Tăng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 29"	105° 36' 52"					F-48-20-C
suối Lè	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 15"	105° 36' 53"	23° 00' 23"	105° 37' 52"	F-48-20-C
Lũng Cò	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	2° 30' 02"	105° 38' 23"					F-48-20-C
khuổi Nà	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 13"	105° 34' 47"	23° 03' 03"	105° 33' 49"	F-48-20-C
xóm Nà Nộc	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 29"	105° 37' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Cam	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 36"	105° 39' 26"					F-48-20-C
Nà Là	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 04' 23"	105° 38' 11"					F-48-20-C
suối Nà Linh	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 43"	105° 39' 49"	23° 00' 13"	105° 38' 12"	F-48-20-C
xóm Nà Luông	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 29"	105° 37' 15"					F-48-20-C
suối Nà Luông	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 04' 42"	105° 38' 07"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Nà Mìa	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 01"	105° 39' 14"					F-48-20-C
xóm Nà Nhùng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 43"	105° 39' 14"					F-48-20-C
Nà Pù	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	10° 53' 66"					F-48-20-C
xóm Nà Rại	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 39"	105° 38' 37"					F-48-20-C
Nà Tả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 16"	105° 38' 29"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Pác Cáp	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 38' 00"					F-48-20-C
suối Pang	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 03' 11"	105° 39' 14"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Văng Có	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 14"	105° 37' 24"					F-48-20-C
suối Xá	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 50"	105° 35' 50"	23° 03' 22"	105° 35' 01"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 45' 11"	105° 49' 39"	22° 48' 15"	105° 46' 58"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Buống	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 03"	105° 44' 34"					F-48-32-A
xóm Bản Chồi	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 47"	105° 47' 40"					F-48-32-B+20-D
suối Bản Chồi	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 47' 34"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Miỏng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 35"	105° 46' 24"					F-48-32-D
xóm Bản Ỏ	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 00"	105° 47' 20"					F-48-32-D
Bét	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 12"	105° 44' 31"					F-48-32-A
Bó Pu	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 46' 11"					F-48-32-B+20-D
Cáp Kẻ	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 54"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Thốc	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 22"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Đã Pành	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 26"	105° 48' 57"					F-48-32-B+20-D
Háng Miêu (Háng Miảo)	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Kéo Van	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 04"	105° 48' 53"					F-48-32-B+20-D
xóm Khưa Lốm	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc							
Khuổi Pết	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 08"	105° 46' 45"					F-48-32-B+20-D
Lũng Muồi	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Quáng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 46"	105° 47' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vài	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 20"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D
suối Miều (Miỏng)	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 37"	105° 46' 22"	22° 46' 20"	105° 45' 57"	F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Làng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 42"	105° 49' 50"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Lìn	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 52"	105° 48' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Pắt	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 38"	105° 48' 49"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 25"	105° 47' 44"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D
núi Nhật Bá	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 48"	105° 43' 59"					F-48-32-C
Pác Cáp	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 30"	105° 48' 16"					F-48-32-D
xóm Phia Khao	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 33"	105° 47' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Sáng	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 42"	105° 46' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Chầu 1	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 45' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Chầu 2	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 19"	105° 46' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Puổi Chang	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 40"	105° 47' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Sình Dáng	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 21"	105° 46' 42"					F-48-32-B+20-D
núi Sù Phùng Đỏ	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 14"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tát Pà	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 16"	105° 49' 34"	22° 45' 29"	105° 48' 56"	F-48-32-B+20-D
núi Tù Cung Bỏ	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Vườm Chù Chong	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 52"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Ca Dằm	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 49' 10"					F-48-32-B+20-D
núi Hồ Phi Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 44"	105° 50' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Hoi Ngửa	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 49' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Hoi Ngửa	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 57"	105° 50' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Sâu	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 48"	105° 50' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Mỹ Lủng	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 00"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Kào	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 24"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Khau	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 52' 04"	105° 50' 30"					F-48-32-B+20-D
núi Sàng Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 13"	105° 52' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Tả Chung	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 36"	105° 51' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Tròng Pèng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 06"	105° 49' 31"					F-48-32-B+20-D
núi Vài Thai	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 51' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Ao Li	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 38' 34"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Khuông	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Bản Pầy (Bản Piậy)	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 27"	105° 40' 19"					F-48-32-A
xóm Cốc Xả Dưới	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 19"	105° 38' 00"					F-48-32-A
xóm Cốc Xả Trên	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 36"	105° 37' 58"					F-48-32-A
Trường Dân tộc nội trú huyện	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 02"	105° 40' 15"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 37"	105° 39' 20"					F-48-32-A
xóm Khâu Pầu	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Lũng Tiến	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 25"	105° 37' 09"					F-48-32-A
xóm Nà Cao	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 56"	105° 39' 37"					F-48-32-A
Nà Cắt	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 03"	105° 40' 17"					F-48-32-A
xóm Nà Đuổn	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 52' 56"	105° 42' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 37' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tền	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 58' 03"	105° 39' 07"					F-48-32-A
xóm Nà Van	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 54"	105° 38' 02"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc			22° 51' 53"	105° 40' 19"	22° 56' 30"	105° 40' 15"	F-48-32-A
núi Phia Đi	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 20"	105° 42' 00"					F-48-32-A
xóm Thang Buổng	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 04"	105° 39' 54"					F-48-32-A
chùa Vân An	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 51' 55"	105° 40' 21"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
suối Bản Riền	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 50' 55"	105° 43' 11"	22° 51' 01"	105° 42' 31"	F-48-32-A
Càng Luồng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 48"	105° 42' 23"					F-48-32-A
xóm Cốc Ngòa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 41"	105° 42' 41"					F-48-32-A
xóm Khau Pa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 12"	105° 42' 52"					F-48-32-A
xóm Khuổi Tặc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
khuổi Lắm	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 52' 02"	105° 42' 05"	22° 51' 14"	105° 41' 43"	F-48-32-A
xóm Nà Chào	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 08"	105° 42' 20"					F-48-32-A
Nà Khuổi	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 32"	105° 42' 53"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Tồng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 47' 54"	10° 54' 23"					F-48-32-A
xóm Nặm Đúng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 42' 35"					F-48-32-A
xóm Nặm Xíu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 48' 53"	105° 42' 16"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Ngàm Vàng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 31"	105° 43' 01"					F-48-32-A
núi Ngàm Vàng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 19"	105° 42' 55"					F-48-32-A
xóm Phiêng Nà	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 18"	105° 43' 32"					F-48-32-A
Pù Mìa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 38"	105° 41' 39"					F-48-32-A
khuổi Rào	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 49' 17"	105° 41' 50"	22° 51' 00"	105° 42' 10"	F-48-32-A
núi Rảo Mửng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 52' 10"	105° 42' 22"					F-48-32-A
nậm Síu	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 48' 21"	105° 42' 50"	22° 48' 55"	105° 42' 06"	F-48-32-A
xóm Bản Cuốn	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 21"	105° 40' 32"					F-48-32-A
Bản Duồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 37' 36"					F-48-32-A
suối Chàng	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 48' 41"	105° 37' 59"	22° 51' 18"	105° 40' 31"	F-48-32-A
xóm Chàng Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 08"	105° 41' 07"					F-48-32-A
núi Khâu Sa	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 39' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Sú	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 41' 30"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mực	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 58"	105° 39' 06"					F-48-32-A
Khuổi Sứa	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 33"	105° 39' 13"					F-48-32-A
Nà Càng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 38' 31"					F-48-32-A
Nặm Luông	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 17"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Nậm Luông	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 30"	105° 36' 51"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Phiêng Buồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 06"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Phù Hưng	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thượng A	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Thượng B	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Vằng Lình	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 54"	105° 40' 10"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 47' 46"	105° 47' 36"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
xóm Bản Bét	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ngà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 03"	105° 44' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Cắm Dưới	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 54"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
xóm Cắm Trên	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 09"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Chư Lẩu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 24"	105° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Sì	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Khâu Trường	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuổi Ruồm	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 49"	105° 43' 59"					F-48-32-A
xóm Lũng Giào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hò	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 58"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuôn	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 37"	105° 45' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Lài	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 29"	105° 46' 25"					F-48-32-B+20-D
suối Lũng Lài	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 50' 17"	105° 45' 35"	22° 50' 46"	105° 46' 27"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 46' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Pán	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 46' 50"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lũng Pán	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 48' 23"	105° 46' 11"	22° 47' 27"	105° 45' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pèng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Rạc	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 15"	105° 44' 53"					F-48-32-A
núi Ma Năng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 00"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Mào Xan	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 47' 34"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
núi Nà Chèn	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 53"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
thủy điện Na Han	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 00"	105° 43' 06"					F-48-32-A
Nà Han	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 45"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Tùng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 01"	105° 43' 09"					F-48-32-A
xóm Nặm Cốp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 47' 07"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 46' 33"	105° 45' 34"	22° 47' 37"	105° 42' 11"	F-48-32-A
núi Pác De	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 58"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Lũng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 51"	105° 44' 25"					F-48-32-A
đèo Pắc Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 01"	105° 45' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Trà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 24"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
Phiêng Cọc	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 55"	105° 43' 44"					F-48-32-A
Phiêng Co	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 29"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Phiêng Pảng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 28"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Vàng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phương Dịt	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 44' 30"					F-48-32-A
núi Pia Cầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 07"	105° 43' 35"					F-48-32-A
núi Pín Vàng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 44' 48"					F-48-32-A
Pù Lầu	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 36"	105° 43' 36"					F-48-32-A
xóm Pù Ngào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 50"	105° 45' 48"					F-48-32-B+20-D
núi Sàm Lùng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 17"	105° 45' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Sàm Nùng Pẩu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 45' 26"					F-48-32-B+20-D
Thun Họp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 24"	105° 49' 24"					F-48-32-B+20-D
núi Thung Lai	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 13"	105° 46' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Diềm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 58"	105° 45' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Phuồng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 50"	105° 43' 52"					F-48-32-A
xóm Cà Lò	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 55"	105° 48' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 57"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Pục	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 39"	105° 43' 36"					F-48-32-A
dốc Cổng Trời	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 51"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Hò Lù	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 15"	105° 46' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Kha Rào	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 42' 27"					F-48-32-A
suối Khuổi Sảng	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 56' 02"	105° 42' 42"	22° 56' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
dốc Lai Thôn	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Chàm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 26"	105° 46' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuyết	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 51"	105° 46' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Piao	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 01"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quẩy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 17"	105° 47' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 57"	105° 46' 55"					F-48-32-B+20-D
Mác Nẻng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Luông	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 44' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Quy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Pác Kéo	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 38"	105° 47' 11"					F-48-32-B+20-D
lũng Pèng Đèo	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 09"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
suối Phia Héo	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 15"	22° 56' 17"	105° 42' 08"	F-48-32-A
núi Pù Yên Mạ	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 45"	105° 43' 08"					F-48-32-A
xóm Thăm Han	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Xum Hầu	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Cốc Đúc	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 21"						F-48-32-A
xóm Cốc Muồi	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 38' 10"					F-48-32-A
Cốc Tém	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 24"	105° 38' 09"					F-48-32-A
xóm Duồng Rình	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 39' 04"					F-48-32-A
suối Duồng Rình	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 53' 49"	105° 38' 47"	22° 53' 50"	105° 39' 53"	F-48-32-A
Khau Sáng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 17"	105° 37' 39"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Khon	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 35"	105° 41' 42"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pao	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 50"	105° 40' 34"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rù	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 21"	105° 39' 23"					F-48-32-A
xóm Nà Năm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc							
xóm Nà Soen	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 48"	105° 38' 45"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 54"	105° 40' 19"	22° 53' 55"	105° 40' 09"	F-48-32-A
xóm Ngàm Lồm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 39' 02"					F-48-32-A
xóm Pác Puồng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 40' 01"					F-48-32-A
xóm Phiêng Tác	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 51"	105° 38' 27"					F-48-32-A
xóm Pom Cuồn	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 30"	105° 38' 43"					F-48-32-A
suối Quang Mậu	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 23"	105° 39' 08"	22° 52' 00"	105° 40' 08"	F-48-32-A
xóm Slam Kha	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 44"	105° 39' 05"					F-48-32-A
xóm Tát Kè	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 32"	105° 37' 39"					F-48-32-A
xóm Bó Chiêu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 56' 04"	105° 41' 44"					F-48-32-A
xóm Bó Tẹ	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 08"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 45' 13"					F-48-32-B+20-D
Cốc Xì	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 44' 11"					F-48-32-A
xóm Khuổi Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 24"	105° 44' 42"					F-48-32-A
xóm Lũng Vài	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 29"	105° 46' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Mè Van	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 43' 22"					F-48-32-A
núi Nậm Dân	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 04"	105° 46' 39"					F-48-32-B+20-D
suối Nậm Dân	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 52' 04"	105° 47' 01"	22° 54' 41"	105° 45' 32"	F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Nam Giam	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 08"	105° 47' 48"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngàm Càng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 03"	105° 43' 54"					F-48-32-A
xóm Pác Lác	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 49"	105° 45' 52"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 45"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
pu Pạt Bà	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 22"	105° 43' 45"					F-48-32-A
xóm Phần Quang	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Héo	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 09"	105° 42' 03"					F-48-32-A
suối Phia Héo	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 14"	22° 56' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
xóm Phia Tằng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
xóm Phiêng Dịt	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Pù Vì	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 32"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thăm Thon A	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 26"	105° 42' 27"					F-48-32-A
xóm Thăm Thon B	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 07"	105° 42' 33"					F-48-32-A
xóm Thôm Quan	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 46"	105° 43' 52"					F-48-32-A
núi Trên Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Oóng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 02"	105° 36' 24"					F-48-32-C
núi Khau Ho	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 42"	105° 37' 01"					F-48-32-C
Khiếu Hạ	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 45"	105° 37' 50"					F-48-32-C
Khiếu Thượng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 40' 55"	105° 35' 20"					F-48-32-C
Khuổi Đậu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 59"	105° 35' 55"					F-48-32-C
xóm Khuổi Tẩu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 26"	105° 36' 29"					F-48-32-C
núi Năm Khiếu	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 41' 05"	105° 35' 13"					F-48-32-C
núi Nậm Yên	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 37"	105° 35' 43"					F-48-32-C
Nặm Yên	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 38"	105° 37' 50"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 27"	105° 35' 28"	22° 43' 32"	105° 38' 56"	F-48-32-C
xóm Ổng Théc	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 27"	105° 35' 52"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phia Pàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 13"	105° 37' 28"					F-48-32-C
suối Phia Pàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 44' 19"	105° 35' 42"	22° 43' 12"	105° 37' 40"	F-48-32-C
núi Phya Dạ	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 35"	105° 35' 40"					F-48-32-C
xóm Thôm Ngàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 30"	105° 35' 14"					F-48-32-C
suối Thôm Ngàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 44"	105° 34' 50"	22° 41' 27"	105° 35' 28"	F-48-32-C
xóm Bản Khiếu	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 15"	105° 40' 36"					F-48-32-C
xóm Bản Khuông	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 49"	105° 40' 06"					F-48-32-C
xóm Bản Riềng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 22"	105° 39' 08"					F-48-32-C
xóm Bản Tuồng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
núi Bó Cỏi	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 58"	105° 41' 54"					F-48-32-C
bản Bóng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 39' 25"					F-48-32-A
khau Cà	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 40' 30"					F-48-32-A
núi Còi Chí	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 38"	105° 41' 34"					F-48-32-C
bản Cuốn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 47' 13"	105° 39' 53"					F-48-32-A
xóm Dần Tờ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 47' 02"	105° 39' 23"					F-48-32-A
Đồn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 39"	105° 41' 14"					F-48-32-C
núi Đông Xoét	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 41' 12"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 00"	105° 40' 14"					F-48-32-A
Khơ Chong	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 53"	105° 43' 25"					F-48-32-A
Khuổi Luội	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 45"	105° 41' 05"					F-48-32-A
Khuổi Phay	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 11"	105° 42' 18"					F-48-32-A
khuổi Khuông	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 49"	105° 39' 52"	22° 44' 24"	105° 39' 50"	F-48-32-A
Lũng Thôm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 42"	105° 39' 03"					F-48-32-C
núi Lũng Thơm	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 53"	105° 38' 39"					F-48-32-C
suối Lũng Thơm	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 26"	105° 38' 18"	22° 44' 27"	105° 39' 17"	F-48-32-A
Nà Bân	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 17"	105° 42' 04"					F-48-32-A
Nà Cải	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 36"	105° 43' 28"					F-48-32-C
núi Nà Chấn	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 26"	105° 39' 31"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Khuổi	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
Nà Lào	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 26"	105° 40' 26"					F-48-32-C
Nà Pa	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 10"	105° 39' 49"					F-48-32-A
Nà Trang	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 56"	105° 42' 19"					F-48-32-C
Nặm Kẹm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Phia Cảng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 43' 07"					F-48-32-A
xóm Phiêng Lẹng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 32"	105° 42' 19"					F-48-32-C
xóm Pù Mồ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 00"	105° 41' 04"					F-48-32-C
núi Pù Mồ	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 20"	105° 41' 11"					F-48-32-C
núi Sưm Ngần	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 43' 04"					F-48-32-A
núi Tát Riềng	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 25"	105° 38' 32"					F-48-32-C
Tổng Cọt	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 52"	105° 41' 03"					F-48-32-C
Tổng Kiều	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 46"	105° 41' 04"					F-48-32-C
khuổi Tuồng	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 46' 00"	105° 41' 48"	22° 43' 55"	105° 41' 14"	F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 35"	105° 40' 10"	22° 58' 12"	105° 38' 44"	F-48-32-A
khuổi A	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 46"	105° 38' 42"	22° 58' 55"	105° 38' 27"	F-48-32-A
xóm Bản Chang	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 42' 34"					F-48-20-C
xóm Bó Vài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 02"	105° 41' 32"					F-48-20-C
núi Chè Vin	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 47"	105° 39' 23"					F-48-32-A
núi Cốc Muồi	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 13"	105° 40' 21"					F-48-20-C
xóm Cốc Thốc	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 18"	105° 42' 25"					F-48-20-C
sông Gâm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 55"	105° 40' 28"	22° 58' 19"	105° 38' 47"	F-48-32-A
Già Mò	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 32"	105° 41' 15"					F-48-20-C
Khuổi A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 06"	105° 39' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Chủ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 22"	105° 40' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Nò	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Khuổi Pậu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 14"	105° 38' 53"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pụt	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lùng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 00' 52"	105° 39' 53"	22° 59' 39"	105° 38' 49"	F-48-20-C; F-48-32-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Lũng Păn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 53"	105° 42' 18"					F-48-20-C
Nà Cắt	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 51"	105° 41' 34"					F-48-32-A
Nà Chào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 49"	105° 40' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Dạn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 42"	105° 40' 39"					F-48-32-A
xóm Nà Đứa	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 01"	105° 38' 53"					F-48-32-A
Nà Luông	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 38"	105° 38' 15"					F-48-32-A
Nà Mạ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 59"	105° 41' 23"					F-48-32-A
suối Nà Ngàm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 03"	105° 40' 55"	22° 58' 41"	105° 39' 59"	F-48-32-A
xóm Nà Ngàm A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 41' 31"					F-48-20-C
xóm Nà Ngàm B	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 42"	105° 41' 01"					F-48-32-A
xóm Nà Quằng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 02"	105° 41' 11"					F-48-20-C
suối Nà Quằng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 02' 01"	105° 41' 53"	23° 02' 14"	105° 41' 02"	F-48-20-C
xóm Nà Rạ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 46"	105° 42' 09"					F-48-20-C
xóm Nà Sài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Nà Tản	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 01' 01"	105° 41' 55"	23° 01' 13"	105° 40' 38"	F-48-20-C
xóm Nà Tền	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 39' 10"					F-48-32-A
xóm Nà Tồng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 48"	105° 39' 21"					F-48-32-A
xóm Nà Viềng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 24"	105° 41' 24"					F-48-32-A
Ngàm Giàng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 48"	105° 43' 01"					F-48-20-C
núi Ngàm Rạo	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 09"	105° 39' 47"					F-48-20-C
xóm Pác Riệu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 14"	105° 40' 04"					F-48-32-A
khuổi Pậu	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 58' 43"	105° 41' 19"	22° 56' 46"	105° 41' 19"	F-48-32-A
xóm Phiêng Sỉnh	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 51"	105° 40' 06"					F-48-32-A
suối Tà Mù	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 03' 33"	105° 41' 40"	22° 58' 06"	105° 39' 52"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Mù	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 40' 33"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lũng Áng Lỏng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 26"	105° 51' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chuồng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 02"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Thán	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Bào Tỳ	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 49' 01"					F-48-32-B+20-D
núi Bó Héc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 40"	105° 49' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Cao Bắc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 05"	105° 49' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Cô Péc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 49' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Kạch	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 10"	105° 49' 34"					F-48-32-B+20-D
suối Cốc Tả	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 44"	105° 48' 48"	22° 54' 12"	105° 48' 27"	F-48-32-B+20-D
núi Đin Đeng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 41"	105° 49' 14"					F-48-32-B+20-D
đồn Đồng Mu	KX	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuổi Van	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 24"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
núi Lắm Côm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 57"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Lẫm Cũm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 01"	105° 50' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mật	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 44"	105° 51' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Nọi	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 55"	105° 48' 51"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Pèo	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pù	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 49' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rạc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 00"	105° 48' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Mù Chảng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 30"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chộc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 14"	105° 47' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Đoỏng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 36"	105° 48' 08"					F-48-32-B+20-D
Nậm Giật	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 49' 58"					F-48-32-B+20-D
Pác Nạp	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 49"	105° 49' 19"					F-48-32-B+20-D
lũng Phát	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 51' 03"					F-48-32-B+20-D
Phia Khao	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 37"	105° 51' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Phoong	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 08"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Phoong	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 23"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sảng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sảng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 29"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
suối Piêng Pán	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 00"	105° 50' 40"	22° 53' 23"	105° 51' 12"	F-48-32-B+20-D
núi Pờ Cà Tản	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 30"	105° 48' 20"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lũng Quang	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 18"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Sà Phìn	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 25"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
suối Tả Nọi	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 27"	105° 49' 08"	22° 53' 44"	105° 48' 48"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Sáy	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Tát Luông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 22"	105° 49' 29"					F-48-32-B+20-D
lũng Tày Đủm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 28"	105° 50' 04"					F-48-32-B+20-D
hồ Thâm Lẩm	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 55' 44"	105° 50' 20"	22° 55' 18"	105° 49' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Thẳm Tôm	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 13"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Thiêng Lầu	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Thua Tổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 21"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
lũng Tràm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 56"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
Xi Ma	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 12"	105° 51' 32"					F-48-32-B+20-D
quốc lộ 34	KX	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 53' 30"	105° 31' 45"	22° 46' 07"	105° 26' 43"	F-48-31-B; F-48-32-A
xóm Bản Đe	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 27' 41"					F-48-31-B
núi Chè Lếch	SV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 51"	105° 29' 31"					F-48-31-B
xóm Chè Pẻn	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 48' 36"	105° 28' 20"					F-48-31-B
núi Đán Chương	SV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 28' 46"					F-48-31-B
sông Gâm	TV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 50' 49"	105° 29' 25"	22° 46' 14"	105° 26' 49"	F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm khu 1	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 49' 10"	105° 29' 45"					F-48-31-B
xóm khu 2	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 00"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm khu 3	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 09"	105° 29' 39"					F-48-31-B
xóm khu 4	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm Lạng Cá	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 37"	105° 27' 22"					F-48-31-B
xóm Mạy Rại	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 20"	105° 29' 15"					F-48-31-B
suối Mẹ Hán	TV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 51' 47"	105° 31' 18"	22° 51' 59"	105° 30' 09"	F-48-32-A
xóm Nà Bỏn	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	24° 48' 20"	105° 28' 13"					F-48-31-B
xóm Nà Ca	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 52' 31"	105° 31' 54"					F-48-32-A
suối Nậm Pùng	TV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
suối Pác Miầu	TV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 49' 08"	105° 30' 10"	22° 50' 01"	105° 29' 20"	F-48-31-B
xóm Phiêng Phay	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 45"	105° 28' 29"					F-48-31-B
núi Phiêng Phay	SV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 01"	105° 27' 15"					F-48-31-B
xóm Cà Đống	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 00"	105° 30' 38"					F-48-20-C
xóm Cà Lung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 23"	105° 32' 02"					F-48-20-C
xóm Cà Mèng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm							
xóm Cà Pẻn A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 01"	105° 32' 18"					F-48-20-C
xóm Cà Pẻn B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 26"	105° 31' 39"					F-48-20-C
xóm Chẻ Lỳ A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 18"	105° 32' 18"					F-48-20-C
xóm Chẻ Lỳ B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 34"	105° 32' 30"					F-48-20-C
núi Cốc Càng	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 08"	105° 33' 24"					F-48-20-C
suối Cốc Pàng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 55"	105° 33' 20"	23° 03' 02"	105° 32' 11"	F-48-20-C
xóm Cốc Phung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 21"	105° 31' 59"					F-48-20-C
suối Cốc Phung	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 14"	105° 30' 55"	23° 03' 21"	105° 30' 24"	F-48-20-C
xóm Dình Phà	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 52"	105° 31' 26"					F-48-20-C
xóm Đội Lỳ	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 28"	105° 34' 22"					F-48-20-C
lũng Già Phình	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 02"	105° 32' 44"					F-48-20-C
núi Há Tư	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 28"	105° 33' 32"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hát Han	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Sang	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 09"	105° 31' 00"					F-48-20-C
xóm Khuổi Vác	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 14"	105° 34' 12"					F-48-20-C
dãy núi Long Diên	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 22"	105° 32' 58"					F-48-20-C
xóm Lũng Mần	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 45"	105° 32' 14"					F-48-20-C
núi Lũng Mần	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 00"	105° 32' 44"					F-48-20-C
Lũng Pịa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 45"	105° 33' 23"					F-48-20-C
núi Lũng Pịa	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 24"	105° 33' 34"					F-48-20-C
xóm Nà Sa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 58"	105° 33' 15"					F-48-20-C
xóm Nà Hu	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 15"	105° 31' 14"					F-48-20-C
Nà Sích	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 39"	105° 33' 08"					F-48-20-C
xóm Nà Và	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 40"	105° 32' 44"					F-48-32-A
xóm Ngàm Trái	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 29"	105° 33' 40"					F-48-20-C
núi Ngàm Trái	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 29"	105° 31' 55"					F-48-32-A
suối Ngàm Trái	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 00' 08"	105° 33' 03"	22° 58' 41"	105° 32' 55"	F-48-32-A
sông Nho Quế	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 06' 44"	105° 31' 47"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-20-C; F-48-19-D
lũng Tru	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 48"	105° 33' 31"					F-48-20-C
suối Vác	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 34"	105° 32' 49"	23° 02' 55"	105° 33' 20"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 08"	105° 33' 52"	22° 53' 30"	105° 31' 45"	F-48-32-A
xóm Bản Báng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 30' 56"					F-48-32-A
suối Bản Báng	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 09"	105° 29' 25"	22° 54' 05"	105° 31' 43"	F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 33' 58"	22° 56' 41"	105° 32' 49"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bon	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 33"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mản	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 05"	105° 27' 34"					F-48-31-B
suối Khuổi Mản	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 16"	105° 30' 09"	22° 57' 57"	105° 31' 55"	F-48-32-A
xóm Khuổi Vin	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 08"	105° 30' 07"					F-48-31-B
núi Mu Lây	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 06"	105° 30' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Kháng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 05"	105° 32' 18"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Mạt	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 34"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Nà Mấu	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 54"	105° 28' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Mỹ	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 42"	105° 26' 52"					F-48-31-B
sông Nà Ngần	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 57' 12"	105° 27' 14"	22° 58' 29"	105° 29' 45"	F-48-31-B
xóm Nà Pồng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 20"	105° 32' 46"					F-48-32-A
xóm Nà Tồng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 49"	105° 28' 28"					F-48-31-B
sông Nho Quế	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 42"	105° 32' 49"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-19-D+32-A
Pác Kỉn	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 26"	105° 31' 53"					F-48-32-A
xóm Pác Pết	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 13"	105° 29' 44"					F-48-31-B
xóm Pác Pha	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 28"	10° 53' 29"					F-48-32-A
xóm Pác Rà	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 34"	105° 29' 59"					F-48-31-B
xóm Pác Ruộc	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 29' 28"					F-48-31-B
xóm Phiêng Đăm	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 26"	105° 28' 50"					F-48-31-B
xóm Phiêng Lùng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 05"	105° 28' 55"					F-48-31-B
xóm Phiêng Pẻn	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 50"	105° 27' 29"					F-48-31-B
núi Phiêng Tằng	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	23° 00' 30"	105° 27' 39"					F-48-19-D
xóm Tổng Ác	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 27"	105° 30' 58"					F-48-32-A
xóm Bản Mỏ	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 30' 18"					F-48-32-A
xóm Đon Sài	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lạ A	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lạ B	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lệnh	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Pò (Khau Piò)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Trù	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 41"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Lũng Pào (Lũng Piào)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Lũng Vài	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 30' 58"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Bon	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Làng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 27"	105° 32' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Mẩu (Nà Mấu)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 50' 06"	105° 32' 19"					F-48-32-A
xóm Nà Pết	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Pồng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 32' 21"					F-48-32-A
xóm Nặm Ngoại	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 31' 28"					F-48-32-A
suối Nặm Ngoại	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm			22° 51' 06"	105° 31' 56"	22° 49' 37"	105° 31' 33"	F-48-32-A
suối Pác Miầu	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm			22° 47' 40"	105° 32' 08"	22° 49' 08"	105° 30' 10"	F-48-32-A
xóm Phia Mản	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 22"	105° 29' 58"					F-48-31-B
xóm Phia Phi	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 50"	105° 31' 03"					F-48-32-A
xóm Phiêng Mẹng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 34"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Bản Bung	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 29"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Bản Cao	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 50"	105° 23' 39"					F-48-31-B
núi Cốc Páp	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 53' 36"	105° 24' 34"					F-48-31-B
suối Cốc Páp	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 19"	105° 23' 46"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Khuổi Cắm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 55' 36"	105° 26' 31"					F-48-31-B
xóm Khuổi Pạt (Khuổi Piạt)	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 54"	105° 25' 16"					F-48-31-B
xóm Nà Mon	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 35"	105° 22' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Nhuồm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 44"	105° 21' 39"					F-48-31-B
Nà Rò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 48"	105° 23' 32"					F-48-31-B
Nà Sẩu	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 51"	105° 25' 50"					F-48-31-B
suối Nậm Đang	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 15"	105° 25' 28"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Nặm Đang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 30"	105° 25' 35"					F-48-31-B
xóm Pác Kén	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 37"	105° 24' 33"					F-48-31-B
xóm Phia Cò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 21' 56"					F-48-31-B
núi Phia Cò	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 01"	105° 22' 42"					F-48-31-B
xóm Phia Cọ	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 10"	105° 24' 32"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phia Liềng	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 40"	105° 24' 44"					F-48-31-B
Phiêng Hang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 09"	105° 23' 10"					F-48-31-B
Tẩn Lình	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 14"	105° 22' 17"					F-48-31-B
xóm Đon Sài	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 47"	105° 25' 49"					F-48-31-B
sông Gâm	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 32"	105° 31' 43"	22° 50' 49"	105° 29' 25"	F-48-31-B
xóm Nà Dịm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 34"	105° 25' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Héng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 33"	105° 30' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Rình	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 51"	105° 27' 31"					F-48-31-B
xóm Nà Viềng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 07"	105° 28' 13"					F-48-31-B
suối Nam Quang	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 16"	105° 28' 53"	22° 51' 34"	105° 29' 17"	F-48-31-B
mỏ vàng Nam Quang	KX	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
núi Nậm Ròm	SV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 10"	105° 28' 10"					F-48-31-B
xóm Nặm Ròm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Pác Ròm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 43"	105° 29' 23"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phăng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 27' 14"					F-48-31-B
xóm Thẳm Siềm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 25' 41"					F-48-31-B
xóm Tổng Phườn	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 26' 39"					F-48-31-B
xóm Bản Nà	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 26' 19"					F-48-31-B
xóm Cốc Lùng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 27"	105° 20' 47"					F-48-31-B
suối Cốc Pục	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
sông Gâm	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 46' 10"	105° 26' 42"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
núi Mã Lùng	SV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 30"	105° 17' 12"					F-48-31-B
xóm Nà Đon	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 26"	105° 27' 50"					F-48-31-B
xóm Nà Kiềng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 57"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Nà Luông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 46' 43"	105° 26' 01"					F-48-31-B
xóm Nặm Miòng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 07"	105° 28' 06"					F-48-31-B
xóm Phiêng Mường	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 47' 16"	105° 27' 13"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phát	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 36"	105° 21' 43"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Chảo	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 18"	105° 23' 06"					F-48-31-B
suối Tổng Ngoảng	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 42"	105° 21' 22"	22° 48' 37"	105° 25' 52"	F-48-31-B
xóm Tổng Ngoảng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 17"	105° 24' 58"					F-48-31-B
dãy núi Đan Linh	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 51' 05"	105° 26' 03"					F-48-31-B
xóm Khùng Khoàng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 18"	105° 27' 34"					F-48-31-B
núi Khùng Khoàng	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 37"	105° 27' 36"					F-48-31-B
xóm Khuổi Hẩu	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 45"	105° 26' 02"					F-48-31-B
xóm Khuổi Qua	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 21"	105° 27' 08"					F-48-31-B
suối Khuổi Qua	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 50' 54"	105° 26' 21"	22° 51' 08"	105° 28' 08"	F-48-31-B
xóm Lũng Chang	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 53' 39"	105° 29' 25"					F-48-31-B
xóm Nà Đấng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 59"	105° 28' 04"					F-48-31-B
xóm Nà Pù	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 52' 24"	105° 27' 02"					F-48-31-B
suối Nậm Quang	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 51' 08"	105° 28' 08"	22° 50' 50"	105° 29' 24"	F-48-31-B
xóm Bản Luầy	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 11"	105° 23' 52"					F-48-31-B
xóm Cốc Páp	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 04"	105° 23' 47"					F-48-31-B
xóm Khau Ca	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 25"	105° 25' 22"					F-48-31-B
xóm Khau Noong	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 54' 17"	105° 18' 25"					F-48-31-B
xóm Khau Ràng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 59"	105° 25' 15"					F-48-31-B
xóm Lũng Rịa	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 21' 06"					F-48-31-B
xóm Nà Hôm	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 22' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Ó	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 53"	105° 25' 56"					F-48-31-B
xóm Nà Thăn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 25' 20"					F-48-31-B
xóm Nặm Pục	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 11"	105° 19' 50"					F-48-31-B
xóm Nặm Tàu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 53"	105° 20' 17"					F-48-31-B
xóm Phiêng Roỏng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 00"	105° 24' 10"					F-48-31-B
xóm Sác Ngà	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 28"	105° 20' 55"					F-48-31-B
suối Thạch Lâm	TV	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
xóm Thẳm Nu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 54"	105° 20' 56"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Dùn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 40"	105° 23' 10"					F-48-31-B
xóm Bản Bó	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 40"	105° 30' 03"					F-48-32-C
suối Bản Bó	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 57"	105° 30' 34"	22° 44' 39"	105° 30' 05"	F-48-32-C
xóm Bản Ràn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 57"	105° 30' 04"					F-48-32-C
xóm Cốc Cạch	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 28' 14"					F-48-31-B
núi Cốc Cạch	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 26"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Cốc Vạn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Ít	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 02"	105° 30' 21"					F-48-32-A
xóm Khau Nình	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 36"	105° 29' 32"					F-48-31-B
xóm Khuổi Ngầu	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 31' 41"					F-48-32-C
suối Khuổi Ngọa	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 55"	105° 31' 22"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
xóm Nà Cút	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 32' 19"					F-48-32-A
xóm Nà Piậy	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 18"	105° 31' 48"					F-48-32-A
xóm Nà Sài	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 31' 18"					F-48-32-A
suối Pác Nhúng	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 45' 23"	105° 31' 48"	22° 44' 53"	105° 30' 00"	F-48-32-A
núi Phia Hiêng	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 43' 50"	105° 30' 23"					F-48-32-C
xóm Sam Quanh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Vàng Vạt	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 01"	105° 27' 24"					F-48-31-B
xóm Bản Là	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 29"	105° 35' 58"					F-48-32-A
xóm Bản Lìn	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 48"	105° 37' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Dề	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 35' 13"					F-48-32-C
xóm Khuổi Dùa	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 39"	105° 34' 34"					F-48-32-C
xóm Khuổi Đuốc	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
suối Lũng Chang	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 07"	105° 32' 16"	22° 43' 29"	105° 32' 48"	F-48-32-C
xóm Lũng Trang	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 36"	105° 34' 26"					F-48-32-C
xóm Lũng Vài	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 13"	105° 33' 00"					F-48-32-C
xóm Nà Bó	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 44"	105° 32' 17"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Bó	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 01"	105° 34' 04"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
xóm Nà Lốm	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 33' 13"					F-48-32-C
xóm Nà Nàng	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 37"	105° 32' 25"					F-48-32-C
suối Nà Pất	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 00"	105° 32' 38"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
suối Nậm Pây	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 54"	105° 34' 05"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
xóm Nặm Trà	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
xóm Sáng Soáy	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 46' 17"	105° 36' 57"					F-48-32-A
xóm Bản Chang	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
xóm Bản Phườn	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 41"	105° 34' 40"					F-48-32-A
Cốc Sỉ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 33' 55"					F-48-32-A
xóm Ẻn Cổ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 58"	105° 35' 28"					F-48-32-A
xóm Ẻn Ngoại	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 46"	105° 35' 52"					F-48-32-A
xóm Ẻn Nội	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 34"	105° 36' 05"					F-48-32-A
xóm Lũng Háng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
núi Lũng Háng	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 31"	105° 34' 41"					F-48-32-A
núi Luộc Chùn	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 05"	105° 32' 24"					F-48-32-A
xóm Nà Hù	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 03"	105° 34' 40"					F-48-32-A
xóm Nặm Luồng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 47' 32"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nặm Tăn	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 50' 50"	105° 34' 32"					F-48-32-A
núi Ngàm Vuộc	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 00"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Phia Nà	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 08"	105° 33' 07"					F-48-32-A
núi Phia Nà	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 35"	105° 35' 21"					F-48-32-A
xóm Phia Tráng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 52"	105° 33' 24"					F-48-32-A
xóm Phiêng Diềm	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 11"	105° 33' 53"					F-48-32-A
xóm Phiêng Phổi	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
xóm Phiêng Vai	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 46' 35"	105° 35' 03"					F-48-32-A
xóm Thôm Soọc	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 49"	105° 33' 25"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 35' 03"	22° 56' 08"	105° 33' 52"	F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ắc È	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 33' 26"					F-48-32-A
xóm Bản Cài	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 34' 49"					F-48-32-A
xóm Bản Miều	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 35' 49"					F-48-32-A
suối Cai Kim	TV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 50' 56"	105° 36' 01"	22° 54' 36"	105° 34' 46"	F-48-32-A
xóm Cốc Tém	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Đông Kẹn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 52"	105° 36' 17"					F-48-32-A
xóm Khau Cưởm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 33"	105° 34' 23"					F-48-32-A
xóm Khau Sáng	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
núi Khuổi Ẩu	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 37' 37"					F-48-32-A
xóm Khuổi Nảy	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 35' 59"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rò	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 35' 22"					F-48-32-A
xóm Nà Hiên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 12"	105° 37' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Lầu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 07"	105° 37' 16"					F-48-32-A
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 02"	105° 33' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Ngà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 03"	105° 35' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Phiáo	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 54"	105° 34' 53"					F-48-32-A
xóm Nà Piao	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 36' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tốm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 34"	105° 34' 26"					F-48-32-A
xóm Nặm Lạn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 36' 51"					F-48-32-A
xóm Nặm Uốm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Pác Đoa	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 06"	105° 34' 37"					F-48-32-A
núi Phạc Tà	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 46"	105° 34' 52"					F-48-32-A
núi Phia Pục	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 02"	105° 36' 37"					F-48-32-A
xóm Phiêng Rù	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 20"	105° 35' 50"					F-48-32-A
núi Tát Ma	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 36"	105° 36' 00"					F-48-32-A
xóm Thiêng Nà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 53"	105° 34' 41"					F-48-32-A
xóm Bản Búng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 38' 46"	105° 31' 15"					F-48-32-C
xóm Bản Chang 1	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 02"	105° 31' 12"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Chang 2	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 52"	105° 31' 47"					F-48-32-C
xóm Bản Đuốc	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 52"	105° 29' 13"					F-48-31-D
suối Bản Loòng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 38' 51"	105° 31' 09"	22° 38' 28"	105° 29' 37"	F-48-32-C
xóm Bản Ngõe	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 26"	105° 31' 00"					F-48-32-C
xóm Bản Pan	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 44' 27"	105° 29' 05"					F-48-31-D
suối Bản Pan	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm							
xóm Bản Vàng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 42"	105° 30' 54"					F-48-32-C
suối Bản Vàng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 40' 42"	105° 30' 48"	22° 40' 56"	105° 29' 25"	F-48-31-D+32-C
Bó Mioc	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 09"	105° 30' 39"					F-48-32-C
núi Cáy Tò	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 04"	105° 30' 38"					F-48-32-C
Đông Lùng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 31' 09"					F-48-32-C
Khân Lần	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 51"	105° 32' 49"					F-48-32-C
xóm Khau Han	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 38"	105° 30' 36"					F-48-32-C
xóm Khau Tao	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 27"	105° 32' 13"					F-48-32-C
núi Khau Tao	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 09"	105° 32' 08"					F-48-32-C
núi Khau Thủm	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 01"	105° 31' 22"					F-48-32-C
xóm Khuổi Chuồng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 38"	105° 31' 35"					F-48-32-C
suối Khuổi Chuồng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 39' 35"	105° 31' 20"	22° 38' 44"	105° 29' 30"	F-48-32-C
xóm Khuổi Ngầu	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Sáp	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 59"	105° 30' 18"					F-48-32-C
Khuổi Tần	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 20"	105° 31' 37"					F-48-32-C
xóm Lũng Cuổi	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 14"	105° 30' 07"					F-48-32-C
xóm Lũng Liềm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 33' 16"					F-48-32-C
Nà Kẹm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 47"	105° 30' 20"					F-48-32-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 28' 41"					F-48-31-D
núi Nà Lìu	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 44' 10"	105° 28' 42"					F-48-31-D
suối Nà Lùng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 22"	105° 32' 25"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
xóm Nà Sài	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 26"	105° 31' 47"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Sài	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 40' 20"	105° 31' 39"	22° 40' 42"	105° 30' 48"	F-48-32-C
xóm Nà Vài	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 29' 32"					F-48-31-D
suối Ngàm Vầy	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 42' 13"	105° 32' 41"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
suối Pom Kiều	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 01"	105° 32' 14"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
núi Sam Vẽ	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 57"	105° 34' 36"					F-48-32-C
đường tỉnh 207	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang			22° 41' 22"	106° 39' 01"	22° 41' 44"	106° 40' 56"	F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bó Rạc	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
bệnh viện Đa khoa	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Đông Mu	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Đoỏng Đeng	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Hoan	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 12"	106° 40' 02"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Hủ	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 53"	106° 39' 53"					F-48-34-C+D
phố Hạ Lang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Huyền Du	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 35"	106° 40' 35"					F-48-34-C+D
xóm Kéo Sy	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Đốn	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 22"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Duốc	SV	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 42' 39"	106° 39' 32"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ến	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 37"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Ngườm Khang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 01"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Quân	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 39' 52"					F-48-34-C+D
chùa Sùng Phúc	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 40' 22"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 41' 59"	106° 34' 03"	22° 41' 22"	106° 39' 01"	F-48-34-(C+D)
sông Bắc Vọng	TV	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 43' 05"	106° 33' 59"	22° 42' 36"	106° 34' 39"	F-48-34-C+D
xóm Bản Chao	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 36' 09"					F-48-34-C+D
xóm Bản Răng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 38' 00"					F-48-34-C+D
xóm Cam Mạ Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 12"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Keng Ka	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 28"	106° 38' 32"					F-48-34-(C+D)
Khau Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 33"	106° 35' 20"					F-48-34-C+D
xóm Khuổi Lình	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
xóm Khuổi Mịt Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 57"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
Khuổi Rù	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 06"	106° 35' 03"					F-48-34-C+D
núi Lung Đăng	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 24"	106° 34' 48"					F-48-34-C+D
Lũng Hoàng Thái	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 37"	106° 37' 24"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Quang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
núi Lũng Vài	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 53"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
Lũng Xúm	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 40"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
núi Nà Ba	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 48"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ray	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 34' 06"					F-48-34-C+D
xóm Nưa Xe	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 06"	106° 38' 12"					F-48-34-C+D
Pác Khuổi	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 34' 40"					F-48-34-C+D
Phia Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 36' 24"					F-48-34-C+D
Phiêng Khăn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 43"					F-48-34-C+D
Phò Mạ	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 41"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
núi Phò Nà	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 19"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Áng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 36"	106° 36' 40"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Phường - Lũng Sươn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 57"	106° 39' 09"					F-48-34-C+D
xóm Tha Hoài Mười	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 37' 02"					F-48-34-C+D
Tu Thin	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 29"	106° 37' 14"					F-48-34-C+D
núi Xa Xe	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 32"	106° 34' 20"					F-48-34-C+D
núi An Mạ	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 35"	106° 36' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khúa	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 26"	106° 37' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bản Luông	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 37' 13"	106° 37' 45"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Nha	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 37' 44"	106° 37' 01"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nhôn	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 38' 34"	106° 35' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nưa	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 38' 17"	106° 35' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bản Rạc	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 37' 24"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
xóm Bản Thưn - Pác Khẹn	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 35' 52"	106° 38' 10"					F-48-34-C+D
suối Keng Thưn	TV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang			22° 34' 43"	106° 39' 42"	22° 36' 10"	106° 38' 04"	F-48-34-C+D
núi Lũng Khinh	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 37"	106° 37' 25"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thúng	DC	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D
núi Pác Luông	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 50"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Phia Phăng	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	106° 37' 46"					F-48-34-C+D
núi Phia Phón	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 38' 30"	106° 35' 05"					F-48-34-C+D
núi Pò Phia Chân	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 36' 48"	106° 37' 07"					F-48-34-C+D
núi Pò Phia Pảng	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 35' 57"	106° 37' 57"					F-48-34-C+D
núi Pò Phia Rao	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 37' 08"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
núi Pò Tron Giáo	SV	xã Cô Ngân	H. Hạ Lang	22° 37' 19"	106° 38' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang			22° 45' 30"	106° 42' 28"	22° 46' 35"	106° 44' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Lẹn	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 10"	106° 42' 34"					F-48-34-A
xóm Bản Lung	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 11"	106° 43' 10"					F-48-34-A
xóm Bản Miào	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Nha	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 11"	106° 42' 53"					F-48-34-A
xóm Bản Sáng	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Thuộc	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 46"	106° 44' 25"					F-48-34-A
núi Bò Phie	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 18"	106° 44' 11"					F-48-34-A
bản Búa	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 26"	106° 45' 29"					F-48-34-B
xóm Cúng Mán	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 45' 45"					F-48-34-B
núi En Nưa	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 16"	106° 44' 32"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 44' 59"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phục	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 00"	106° 44' 53"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pài Lầu	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 27"	106° 43' 48"					F-48-34-A
núi Phia Chao	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 19"	106° 44' 42"					F-48-34-A
núi Phia Đeng	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 22"	106° 43' 53"					F-48-34-A
núi Thầu Nưa	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 09"	106° 45' 28"					F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 42' 56"	106° 64' 18"	22° 43' 48"	106° 40' 15"	F-48-34-C+D
xóm Bản Hẻo	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 31"	106° 38' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nhăng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 39' 07"					F-48-34-A
xóm Bản Sùng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 25"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Coỏng Hoài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 22"	106° 39' 31"					F-48-34-C+D
xóm Mắn Phía	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 23"	106° 38' 52"					F-48-34-C+D
núi Nà Dăn	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 38' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hát	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 25"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Nà Nặm	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang							
xóm Nà Pác	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 38"	106° 37' 45"					F-48-34-A
suối Nà Pác	TV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 46' 46"	106° 38' 40"	22° 45' 27"	106° 39' 13"	F-48-34-A
xóm Nà Pài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 04"	106° 36' 59"					F-48-34-A
Nà Theng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 12"	106° 37' 30"					F-48-34-A
Phiềng Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 39' 22"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mu	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 54"	106° 38' 14"					F-48-34-C+D
xóm Pò Sao	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 55"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Sam Kha	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 15"	106° 38' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Tao	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 10"	106° 36' 25"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 21"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đông Phén	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 20"	106° 35' 55"					F-48-34-C+D
xóm Gia Lường	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 19"	106° 35' 35"					F-48-34-C+D
núi Khau Xa	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 17"	106° 35' 16"					F-48-34-A
Khuổi Ai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 31"	106° 35' 36"					F-48-34-A
Khuổi Âu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 07"	106° 36' 48"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Chi	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 37' 19"					F-48-34-C+D
núi Lũng Giông	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 37' 31"					F-48-34-C+D
Lũng Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 49"	106° 34' 15"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Túng	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 43"	106° 35' 32"					F-48-34-C+D
Luộc Vai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
Nặm Kít	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 35' 01"					F-48-34-C+D
Nặm Thẩu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 43"	106° 37' 15"					F-48-34-C+D
núi Phò Rụng	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 47"	106° 36' 37"					F-48-34-C+D
xóm Phong Ái	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 36' 52"					F-48-34-C+D
xóm Thình Ẩu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Thong Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
Thong Nhàn	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 33' 57"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 47' 08"	106° 46' 21"	22° 47' 31"	106° 46' 04"	F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 35"	106° 44' 47"	22° 49' 03"	106° 48' 14"	F-48-34-A;34-B
núi Ba Đuông	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 36"	106° 47' 02"					F-48-34-B
suối Bản Bang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 25"	106° 45' 06"	22° 46' 48"	106° 45' 28"	F-48-34-B
xóm Bản Khoòng	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 15"	106° 48' 11"					F-48-34-B
xóm Bản Sao	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 28"	106° 47' 15"					F-48-34-B
xóm Bằng Ca	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 09"	106° 46' 24"					F-48-34-B
xóm Bang Dưới	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 45' 10"					F-48-34-B
xóm Bang Trên	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 28"	106° 45' 33"					F-48-34-B
Đông Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 56"	106° 48' 27"					F-48-34-B
núi Khau Dăn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 02"	106° 48' 14"					F-48-34-B
xóm Khỉ Cháo	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 08"	106° 49' 15"					F-48-34-B
núi Khỉ Cháo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 40"	106° 49' 23"					F-48-34-B
xóm Khưa Khoang	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 26"	106° 46' 36"					F-48-34-B
hồ Khưa Khoang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 46' 44"					F-48-34-B
xóm Lũng Pẩu	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 33"	106° 49' 15"					F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Phiô	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 45' 54"					F-48-34-B
xóm Lũng Thoang Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 31"	106° 47' 58"					F-48-34-B
xóm Lý Vạn	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 59"	106° 49' 07"					F-48-34-B
núi Mu Mủn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 31"	106° 48' 40"					F-48-34-B
núi Nặm Thấu	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 20"	106° 46' 31"					F-48-34-B
xóm Nặm Tốc	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 30"	106° 47' 57"					F-48-34-B
núi Ngườm Răm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 45' 58"					F-48-34-B
núi Phia Nhàn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 18"	106° 47' 36"					F-48-34-B
núi Rạm Kha	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 46"	106° 47' 33"					F-48-34-B
núi Thềnh Ngườm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 43"	106° 45' 12"					F-48-34-B
núi Tu Giáo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 12"	106° 46' 51"					F-48-34-B
đường tỉnh 206	KX	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 31"	106° 46' 04"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A; 34-B
đập Ải Cảnh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-B
núi Ba Xe	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 27"	106° 45' 50"					F-48-34-B
xóm Bản Khuý	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang							F-48-34-A
xóm Bản Suối	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 22"	106° 43' 05"					F-48-34-A
xóm Bản Thang	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 23"	106° 44' 21"					F-48-34-A
suối Bản Thang	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 50' 02"	106° 44' 31"	22° 50' 23"	106° 44' 29"	F-48-34-A
núi Bó Nưa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 31"	106° 43' 45"					F-48-34-A
xóm Đa Dưới	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 52"	106° 46' 22"					F-48-34-B
xóm Đa Trên	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 29"	106° 45' 49"					F-48-34-B
núi Đon Đa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 26"	106° 47' 17"					F-48-34-B
núi Đông Đín	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 27"	106° 42' 24"					F-48-34-A
núi Lung Nặm	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 46' 55"	106° 45' 27"					F-48-34-B
xóm Luộc Khểnh	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 58"	106° 43' 59"					F-48-34-A
suối Luộc Khểnh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 49' 56"	106° 44' 00"	22° 50' 02"	106° 44' 31"	F-48-34-A
xóm Luộc Khiếu	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 04"	106° 44' 47"					F-48-34-A
suối Luộc Khiếu	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 30"	106° 43' 15"	22° 48' 02"	106° 45' 21"	F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 25"	106° 45' 34"					F-48-34-B
xóm Nà Quản	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 45"	106° 45' 42"					F-48-34-B
suối Nà Quản	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 02"	106° 45' 21"	22° 48' 37"	106° 45' 44"	F-48-34-B
xóm Nà Vị	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 39"	106° 45' 19"					F-48-34-B
núi Pác Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 35"	106° 45' 22"					F-48-34-B
núi Phải Cái	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 12"	106° 46' 53"					F-48-34-B
núi Phải Cát	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 58"	106° 46' 22"					F-48-34-B
núi Phia Pan	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 51"	106° 45' 59"					F-48-34-B
núi Phia Ràng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 20"	106° 45' 09"					F-48-34-B
núi Pò Luộc Vài	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 53"	106° 43' 29"					F-48-34-A
núi Pò Luồng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 52"	106° 42' 46"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-A
suối suối Nà Vị	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 29"	106° 46' 02"	22° 47' 54"	106° 45' 23"	F-48-34-B
núi Nà Kiểng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 46"	106° 45' 21"					F-48-34-C+D
núi Ba Mê Nàng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 14"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Ba Nà Cai	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 46' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kiểng - Lũng Phặc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 04"	106° 45' 32"					F-48-34-C+D
xóm Bó Chỉa	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 41' 10"					F-48-34-C+D
xóm Bó Mực	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 58"	106° 41' 19"					F-48-34-C+D
xóm Cuốn Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 27"	106° 43' 00"					F-48-34-C+D
Khau Khà	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 43' 21"					F-48-34-C+D
xóm Khẻo Mèo	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 10"	106° 43' 24"					F-48-34-C+D
xóm Khỉ Rót	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 41"	106° 43' 50"					F-48-34-C+D
Ky Sộc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 06"	106° 44' 15"					F-48-34-C+D
Lũng Chủ	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 58"	106° 43' 33"					F-48-34-C+D
núi Lũng Đáy	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang							
núi Lũng Khóp	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 45"	106° 44' 35"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Lạc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 43"	106° 44' 57"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Phặc	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 28"	106° 44' 53"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 57"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rót	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 13"	106° 44' 18"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rỳ	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 12"	106° 44' 39"					F-48-34-C+D
núi Lũng Trù Khà	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 18"	106° 43' 22"					F-48-34-C+D
núi Lũng Túng Tiếu	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 47"	106° 43' 34"					F-48-34-C+D
xóm Luông Dưới	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Luông Trên	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nặm Tát	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 42' 56"					F-48-34-C+D
xóm Sa Lê	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 30"	106° 43' 15"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Riềm	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 08"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Thàn	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 35"	106° 45' 59"					F-48-34-C+D
núi Sa Phài Riều	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 38"	106° 44' 17"					F-48-34-C+D
núi Thang Mộng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 54"	106° 45' 11"					F-48-34-C+D
Thềnh Khau	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 45' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 38' 13"	106° 42' 15"	22° 37' 05"	106° 42' 00"	F-48-34-C+D
xóm Cô Coọng	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							
xóm Bản Đâư	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bản Lạn	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 34"	106° 39' 50"					F-48-34-C+D
suối Bản Lạn	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 37' 27"	106° 39' 52"	22° 37' 27"	106° 41' 09"	F-48-34-C+D
núi Bó Chao	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 43"	106° 42' 21"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Khọt	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Kênh Nghiều	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 26"	106° 41' 49"					F-48-34-C+D
núi Lũng Các	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 39"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
núi Lũng Eng	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 04"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Mác Phật	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 20"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hoạch	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nà Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngườm Riềm	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 52"	106° 40' 40"					F-48-34-C+D
núi Pa Lũng Tố	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	10° 64' 35"					F-48-34-C+D
núi Pa Pò Nóc	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 12"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
xóm Pác Khao	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Pác Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Pò Lung Tái	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 51"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang			22° 43' 48"	106° 40' 15"	22° 45' 30"	106° 42' 28"	F-48-34-C+D
xóm Bản Bằng	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 58"	106° 40' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bản Doa	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 11"	106° 41' 33"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kha	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 30"	106° 40' 39"					F-48-34-A
xóm Bản Phạn	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 13"	106° 42' 58"					F-48-34-C+D
xóm Cát Hảo	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 53"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
núi Chông Mạ	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 42' 32"					F-48-34-A
xóm Co Lỳ	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 41' 28"					F-48-34-A
xóm Co Nghịu	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 32"	106° 40' 54"					F-48-34-A
Co Siêo	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 40' 38"					F-48-34-A
Két	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 02"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Kon	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 41' 33"					F-48-34-A
Lũng Phúc	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Luộc Thòm	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 05"	106° 40' 34"					F-48-34-A
Nà Mu	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 33"	106° 41' 51"					F-48-34-A
xóm Nà Ngần	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 11"	106° 41' 48"					F-48-34-A
núi Nà Ngườm	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 41' 55"					F-48-34-C+D
Nà Sắp	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 42' 23"					F-48-34-C+D
núi Ngườm én	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 46"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pác Sam	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 06"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pò Hai	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 44"	106° 40' 01"					F-48-34-A
xóm Rặc Giang	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 19"	106° 40' 52"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sâu Sam	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 48"	106° 43' 25"					F-48-34-C+D
xóm Un Thôm	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 50"	106° 41' 15"					F-48-34-A
đường tỉnh 214	KX	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 37' 05"	106° 42' 00"	22° 35' 50"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bản Nhảng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 18"	10° 64' 09"					F-48-34-C+D
cửa khẩu Bí Hà	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 21"	106° 42' 47"					F-48-34-C+D
suối Canh Thưn	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 36"	106° 40' 26"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
Cốc Mẳn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 31"	106° 40' 45"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Nhan	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 16"	106° 41' 43"					F-48-34-C+D
núi Đồi Chè	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 24"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
núi Đồn Điền	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 01"	106° 42' 11"					F-48-34-C+D
xóm Đông Cầu	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 14"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Đông Mò	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 15"	106° 42' 17"					F-48-34-C+D
xóm Đông Nạng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 48"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
suối Khơ Lẹp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 31"	106° 39' 03"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
xóm Khu Đơ (Khu Đâư)	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 45"	106° 41' 07"					F-48-34-C+D
xóm Khu Noọc	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
xóm Ngườm Già	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Ngườm Tá	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
bản Nhay	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Phia Khính	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 38"	106° 39' 33"					F-48-34-C+D
núi Phia Măn	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
núi Phia Mão	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 46"	106° 39' 48"					F-48-34-C+D
núi Phia Moóc	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 40' 34"					F-48-34-C+D
núi Phia Riếu	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 13"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
núi Phia Súng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 51"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mãn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 00"	106° 43' 17"					F-48-34-C+D
núi Pò Ngần	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 39' 12"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tà Cáp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 03"	106° 41' 42"	22° 34' 47"	106° 41' 13"	F-48-34-C+D
xóm Tẩu Đông	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 42' 08"					F-48-34-C+D
xóm Thôm Cương	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 14"	106° 40' 56"					F-48-34-C+D
núi Thong Dáng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 34' 55"	106° 40' 08"					F-48-34-C+D
xóm Tổng Nưa	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 31"	106° 42' 34"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 41' 25"	106° 40' 59"	22° 38' 13"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bản Các	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 50"	106° 42' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khau	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 04"	106° 42' 20"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khoong	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 18"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
xóm Bản Ngay	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 41' 26"					F-48-34-C+D
suối Cò Ma	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 38' 45"	106° 41' 39"	22° 38' 19"	106° 41' 03"	F-48-34-C+D
suối Lành	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 39' 36"	106° 41' 55"	22° 40' 24"	106° 41' 38"	F-48-34-C+D
đồi Lũng Lừa	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
Lũng Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 41' 27"					F-48-34-C+D
suối Luộc	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 40' 09"	106° 43' 00"	22° 39' 53"	106° 43' 46"	F-48-34-C+D
xóm Luộc Thôm Luộc Tháy	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
xóm Nà Đăng - Tính	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 41' 00"	106° 41' 09"					F-48-34-C+D
xóm Nà Kéo	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 26"	106° 41' 57"					F-48-34-C+D
Nà Sao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 19"	106° 41' 11"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Tháy - Sa Tao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 36"	106° 40' 48"					F-48-34-C+D
Nà Tinh	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 27"	106° 41' 02"					F-48-34-C+D
núi Pa Luông	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 28"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
xóm Pác Ty	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang							
xóm Phạc Nhang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 39"	106° 42' 53"					F-48-34-C+D
núi Phò Sèn	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 42"	106° 40' 37"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pò Điểm	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 13"	106° 43' 02"					F-48-34-C+D
núi Pò Mao	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 48"	106° 42' 24"					F-48-34-C+D
Thâm Rim	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
xóm Thông Thán - Bản Khoong	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 57"	106° 43' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bản Làn	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
xóm Bản Mển	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 36' 19"					F-48-34-C+D
xóm Bản Sao	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 00"	106° 39' 08"					F-48-34-C+D
xóm Bản Thần	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 43"	106° 40' 04"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Rằng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 15"	106° 37' 48"					F-48-34-C+D
xóm Khau Lừa	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 14"	106° 38' 22"					F-48-34-C+D
xóm Khum Đin	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 01"	106° 38' 59"					F-48-34-C+D
núi Lũng Om	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 38"	106° 37' 26"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phải	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 59"	106° 35' 57"					F-48-34-C+D
xóm Nhi Liêu	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
xóm Pác Hoan	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-34-C+D
núi Pác Moóc	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 37' 50"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
núi Phia Ná	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 17"	106° 40' 46"					F-48-34-C+D
xóm Quyếng Bủng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 20"	106° 40' 29"					F-48-34-C+D
xóm Rung Ry	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 41' 03"	106° 37' 13"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Nhương	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
đường tỉnh 203	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng			22° 52' 14"	106° 06' 23"	22° 55' 36"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Cải	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Giới	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 54' 05"	106° 04' 31"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Noọc	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chủ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Gọ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 37"	106° 05' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Đôn Chương	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
ngã tư Đôn Chương	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 14"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Tèn	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 36"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
Lũng Rài	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 03' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Mai Nưa	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 28"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Mu Lự	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 57"	106° 04' 56"					F-48-33-A+21-C
xóm Mường Lế	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Chang	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 15"	106° 05' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngần	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 34"	106° 03' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Vạc 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Vạc 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Son	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	106° 05' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Tả Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 48"	106° 04' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							
xóm Cà Giáng	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Chông Mạ	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 56"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Có	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pán	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 21"	106° 10' 37"					F-48-33-A+21-C
lũng Mằn	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 05"	106° 11' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Niệc	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 11' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Tà Piẩu	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 30"	106° 11' 04"					F-48-33-A+21-C
lũng Tháy	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 03"	106° 10' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 10"	106° 04' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hà	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 02"	106° 05' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khoang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 25"	106° 05' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 32"	106° 05' 19"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Bản Nưa	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 42"	106° 05' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 37"	106° 06' 03"					F-48-33-A+21-C
Đoỏng Đeng	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 25"	106° 05' 39"					F-48-33-A+21-C
xóm Kẻ Hiệt	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 31"	106° 06' 18"					F-48-33-A+21-C
hồ Kẻ Hiệt	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 51"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Chang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							
núi Kéo Gạch	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 52' 20"	106° 05' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Cút	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 52"	106° 06' 43"					F-48-33-A+21-C
DTLS Khuổi Sấn	KX	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mò	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 17"	106° 06' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Xả	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 36"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Phia Đán	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							
núi Phia Đeng	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 21"	106° 06' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Chăm Ché	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Cốc Sa	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Kéo Nặm	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 49' 02"	106° 11' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
núi Lũng Sung	SV	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 48' 58"	106° 12' 07"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Răng Khoen	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Làng Lình	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Đa	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 31"	106° 10' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Dán	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Hoóng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Lặc	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 54' 00"	106° 10' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ngần	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 13"	106° 08' 41"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rẩu	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 35"	106° 10' 02"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tà	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 37"	106° 11' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Táng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 07"	106° 10' 11"					F-48-33-A+21-C
núi Pò Đeng	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 08' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Sam Phủng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 11' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Sông Giang	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 08' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tại	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
đường tỉnh 210	KX	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng			22° 55' 19"	106° 03' 30"	22° 56' 52"	106° 05' 19"	F-48-33-A+21-C
xóm Cáy Tắc	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Lì Là	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 31"	106° 03' 32"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Khuyên	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 55"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Luông	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 03' 59"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Nhẻ	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 22"	106° 04' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Sắng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 05"	106° 03' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tú - Bó Sóp	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Luông	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 55"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Rằng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 34"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Ngườm Rống	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Pá Rản	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Pài Thước	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 38"	106° 05' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Phia Đó - Lũng Vài	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 50"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Răng Púm - Cà Lọ	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 36"	106° 04' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Răng Rụng - Co Lỳ	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 45"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sỹ Ngải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 03' 24"					F-48-33-A+21-C
núi Thiêng Hoài	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 40"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng			22° 56' 52"	106° 05' 19"	22° 55' 50"	106° 06' 43"	
xóm Cả Giỏng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 57"	106° 05' 31"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cả Mã	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 38"	106° 05' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Tiểng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 46"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Chợ Nặm Nhũng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Khoa	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 06' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Đông Piảo	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 05' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Hai	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 06"	106° 06' 07"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Quên	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 06' 57"					F-48-33-A+21-C
Kha Bản	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 52"	106° 06' 20"					F-48-33-A+21-C
núi Làng Rủn	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 06"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
đồi Lũng Chung	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 34"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
Lũng Cọ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng In	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 26"	106° 06' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mảng	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 08"	106° 07' 25"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Rạch	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 53"	106° 04' 55"					F-48-33-A+21-C
Đồn biên phòng Nặm Nhũng	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 05' 34"					F-48-33-A+21-C
núi Phác Sỉ	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 42"	106° 06' 36"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Po Tán	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 33"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Thăm Ma	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 59"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Hoài	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 10"	106° 05' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Thin Tẳng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 05' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thông Sác	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Pỏ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 06' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Poóc	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
núi Hang Giáo	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 09"	106° 11' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Cả	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 20"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Boong	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 21"	106° 12' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Pính	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 15"	106° 11' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Loọc Sòng	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 11' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Kiểng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
núi Lũng Luông	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Niểng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 27"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pheo	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Rản	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 52' 17"	106° 12' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Mạ Rảng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Thin Tẳng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Tổng Đá	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 30"	106° 11' 44"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 50' 00"	106° 00' 58"	22° 55' 15"	106° 02' 39"	F-48-33-A+21-C; 32-B+20-D
núi Bà Tài	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 02' 10"					F-48-33-A+21-C
lũng Cát	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 47"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Cốc Chủ	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 01' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Sâu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 01"	106° 01' 03"					F-48-33-A+21-C
núi Đông Liêu	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 02' 27"					F-48-33-A+21-C
DTLS Hang Phia Nọi	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 1	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 02' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 2	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							
núi Khiếu Tiên	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 47"	106° 01' 57"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Miêu	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 21"	106° 02' 13"	22° 54' 56"	106° 02' 41"	F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Rỉnh	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Là Mã	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 01' 32"					F-48-33-A+21-C
DTLS Lũng Cát	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
dãy núi Lũng Dù	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 01"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Loỏng	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	106° 01' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mò	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pỉa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							
núi Lũng Sường	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 35"	106° 00' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Mã Lịp	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 04"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C
núi Mạy Đăm	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 28"	106° 01' 55"					F-48-33-A+21-C
DTLS Nền nhà ông Hiền Hữu	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
DTLS Ngàm Giảo	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
Ngằm Xình	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 02"	106° 01' 16"					F-48-33-A+21-C
Ngườm Nặm	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
Nong Di	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 20"	106° 00' 06"					F-48-33-A+21-C
Pác Kéo	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 38"	106° 01' 25"					F-48-33-A+21-C
Pác Rụa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 41"	106° 01' 33"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Oai	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 41"	106° 00' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Vẻn	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Nghiều - Kép Ké	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 06"	106° 02' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôm Tẩu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Thua Háo	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 54"	106° 00' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Rẻ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 39"	106° 11' 48"					F-48-33-A+21-C
núi Cà Tểnh	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 10' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Tiểng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 10' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Phia	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 21"	106° 12' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Làng Lỳ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 12' 27"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Chuông	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 28"	106° 09' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Chuống	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 09' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mảo	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pụng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	106° 08' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rại	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 55"	106° 11' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rì	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 23"	106° 10' 16"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Xuân	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 41"	106° 13' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Vài	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 40"	106° 12' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhỉ Tảo	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 28"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Hoan	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 34"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tụ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 12' 41"					F-48-33-A+21-C
lũng Pết	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 58' 05"	106° 12' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Bốc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 11' 53"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Bưng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Rừu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 12' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Théc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 19"	106° 10' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Ung	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 48"	106° 09' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Rủ Rả	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sộc Rẩu	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 39"	106° 11' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Tiểng Po	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 14"	106° 07' 31"					F-48-33-A+21-C
núi Tu Thìu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 07"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng			22° 48' 47"	106° 06' 48"	22° 52' 14"	106° 06' 23"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Bó	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 03"	106° 08' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chá	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 04"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chủ	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 16"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Dộc Kít	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 25"	106° 07' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Mân	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 07' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Mắt	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 05"	106° 07' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Rục	SV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 52' 07"	106° 06' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giàng	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Luống Nọi	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 30"	106° 07' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dằm	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 48"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Giàng	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Giảo	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 41"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lạn	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Mạ	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 06' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rặc	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Noóc Mò	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
suối Phù Ngọc	TV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng			22° 52' 03"	106° 06' 32"	22° 50' 09"	106° 08' 07"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tềng Khoen	SV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 33"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Bắc Phương	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 1	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 2	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
suối Bằng Giang	TV	xã Quý Quân	H. Hà Quảng			22° 53' 30"	106° 00' 59"	22° 50' 40"	106° 02' 17"	F-48-33-A+21-C
xóm Keng Tao	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Khuổi Tấu	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	10° 60' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đấy	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Mới	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 01' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xàm	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Nà Pò - Khuổi Luông	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 52' 38"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Tềnh Cà Lừa	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 51' 05"	106° 01' 59"					F-48-33-A+21-C
suối Bằng Giang	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 55"	106° 00' 17"	22° 53' 30"	106° 00' 59"	F-48-33-A+21-C
suối Bó Tầu	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 59"	105° 57' 26"	22° 56' 31"	105° 58' 20"	F-48-32-B+20-D
núi Cảm Dảng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 57' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Nghịu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Vường	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 34"	105° 59' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Địa Lan	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	105° 59' 29"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 38"	105° 59' 34"	22° 50' 00"	106° 00' 58"	F-48-33-A+21-C; F-48-32-B+20-D
xóm Háng Cáu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 21"	106° 00' 07"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	22° 56' 59"	105° 57' 26"	F-48-33-A+21-C
khuổi Khuổi Nính	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Củm	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 13"	105° 59' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mật	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pươi	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rài	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 01"	105° 58' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Cháo	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 06"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nghiềng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Phái	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 13"	105° 58' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Sác	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	105° 59' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Khang	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tao	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 00' 14"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Khao	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 36"	105° 59' 07"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Mạ	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	105° 59' 05"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Tẳng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 00' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Háng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 59' 55"					F-48-33-A+21-C
núi Sát Nhân	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	105° 59' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Sì Pài	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 18"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Sóc Giang	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C
cửa khẩu Sóc Giang	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
đồn biên phòng Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 12"	106° 00' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Tràm	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	105° 58' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Trúc Long	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 15"	105° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
suối Trúc Long	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	2° 25' 63"	105° 59' 47"	F-48-32-B+20-D
núi Cà Xát	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 09"	106° 11' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Canh Dùng	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 48"	106° 12' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Sớ	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng							
xóm Kính Dưới	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 10' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Kính Trên	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 57"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Bông	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 54"	106° 11' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Quảng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 40"	106° 12' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Túp	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 11"	106° 11' 57"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Thuổm	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 32"	106° 11' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Kiêng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
núi Quang Tán	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 24"	106° 12' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tuống	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 18"	106° 10' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Uổng Luộc	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 12' 01"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng			22° 55' 50"	106° 06' 43"	22° 55' 41"	106° 09' 46"	
trường PTTH Vùng Cao	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Cả Giang	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 07' 47"					F-48-33-A+21-C
Cá Rải	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Thổ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 49"	106° 08' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Chàng Đỉ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 07' 19"					F-48-33-A+21-C
Đại Tổng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 29"	106° 10' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Làng Pia	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 11"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Hỏa	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 08' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mủm	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tẩn	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 06' 49"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Táy	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 47"	106° 07' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Giạt	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Théc	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 06"	106° 09' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Táy Dưới	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 52' 30"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Táy Trên	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Tểnh Keng	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Cáng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 07' 30"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 55' 09"	106° 12' 27"	F-48-33-A+21-C
núi Bông	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 23"	106° 11' 02"					F-48-33-A+21-C
lũng Cáo	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 12"	106° 15' 14"					F-48-33-B
xóm Cọt Nưa	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 22"	106° 13' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Cọt Phố	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 53' 56"	106° 13' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Keng Lạn	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 57' 08"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kéo Sỹ	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
lũng Kít	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 14' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ái	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 16"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giỏng	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 46"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Rì	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Túm - Lũng Măn	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 59"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
lũng Mò Tốc	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 14' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
Pác Có	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 14' 32"					F-48-33-A+21-C
núi Pác Ô	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 53' 31"	106° 13' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Pài Bá	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 53' 40"	106° 13' 07"					F-48-33-A+21-C
lũng Pàng	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 36"	106° 15' 27"					F-48-33-B
xóm Rằng Hán	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 56' 05"	106° 13' 41"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Ngọa	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 40"	106° 12' 06"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồn biên phòng Tổng Cọt	KX	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
lũng Tý	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 55' 36"	106° 02' 47"	22° 59' 06"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
suối Bản Hoàng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 57' 35"	10° 60' 38"	22° 57' 41"	106° 02' 22"	F-48-33-A+21-C
thủy điện Bản Hoàng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 35"	106° 01' 47"					F-48-33-A+21-C
cầu Bó Bẩm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 55"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Các Mác	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 06"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
hang Cốc Bó	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 03' 04"					F-48-33-A+21-C
đồi Cốc Lùng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 02' 08"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Rược	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 47"	106° 03' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoong 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 01' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoong 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 24"	106° 02' 03"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Hong	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 00' 30"	22° 57' 32"	106° 01' 51"	F-48-33-A+21-C
mộ Kim Đồng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 03"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
suối Lê Nin	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 31"	106° 02' 55"	22° 55' 38"	106° 02' 43"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Giảo	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 16"	106° 03' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 42"	106° 02' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lẹng	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
đồi Nà Lẹng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 43"	106° 01' 12"					F-48-33-A+21-C
suối Nà Lẹng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 01' 36"	22° 58' 25"	106° 01' 18"	F-48-33-A+21-C
đồi Nà Lẹng Nưa	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 14"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 30"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
dãy núi Nà Mạ	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 03' 08"					F-48-33-A+21-C
cầu Nà Ngàm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 46"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Lìn	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
xóm Pác Bó	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 52"	106° 03' 05"					F-48-33-A+21-C
khu di tích Pác Bó	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Cang	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Đeng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 52"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Hoàng 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
xóm Thôn Hoàng 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 51"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
thung lũng Thong Ma	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xưa Thai	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khẻng	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng							
xóm Cha Vạc	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 09' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Mười	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 59' 07"	106° 07' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Phầy	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 25"	106° 09' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đa	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 58"	106° 08' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rẩu	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 08' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 52"	106° 07' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Đin	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 08' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhỉ Đú	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 08' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Có	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 09' 36"					F-48-33-A+21-C
đồi Tăng Đôi	SV	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Vài	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 04' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Kha Bản	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Cuổi	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 19"	106° 06' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Gà	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 05' 33"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Giàng	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 49"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 52' 59"	106° 06' 09"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Kim	SV	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 05' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Nái	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Sang	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 04' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lủng Tu	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Vẻn	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 53' 52"	106° 06' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xàm	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng							
xóm Pác Keng	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 53' 57"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Sỹ Điêng	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 43"	106° 06' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Tôm Đăm	DC	xã Vần Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 04' 50"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	TT. Nước Hai	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-33-C
tổ 1 Dã Hương	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Hoằng Bó	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố A	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố B	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố Giữa	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Dã Hương	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Hoằng Bó	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố A	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố B	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 2 Phố Giữa	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 39' 55"	106° 11' 42"	22° 35' 20"	106° 09' 01"	F-48-32-C
xóm Bản Sằng	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 09"	106° 12' 07"					F-48-33-C
xóm Bốc Thượng 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 03"	106° 10' 09"					F-48-33-C
xóm Bốc Thượng 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Đầu Cầu	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 56"	106° 10' 29"					F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 35' 45"	106° 08' 56"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
núi Khau Câu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 32' 48"	106° 11' 27"					F-48-33-C
núi Khau Lá	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khau Mười	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 13"	106° 11' 00"					F-48-33-C
núi Khau Quân	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khuổi Bao	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 32"	106° 09' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Kép	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 15"	106° 10' 44"					F-48-33-C
hồ Khuổi Lái	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 51"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Luông	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							
suối Nà Ngòa	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 32' 55"	106° 09' 13"	22° 33' 03"	106° 12' 03"	F-48-33-C
Nà Roác	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							F-48-32-C
xóm Nà Roác 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 39' 02"	106° 11' 03"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 39' 27"	106° 11' 40"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 3	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 41"	106° 11' 25"					F-48-33-C
xóm Nà Tủ	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 24"	106° 11' 09"					F-48-33-C
núi Ngảm Hoài	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 38"	106° 09' 48"					F-48-33-C
xóm Pác Nà	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 12"	106° 11' 54"					F-48-33-C
núi Phia Đim	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 19"	106° 12' 39"					F-48-33-C
núi Phia Hu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 36"	106° 10' 59"					F-48-33-C
xóm Phiêng Lừa	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 30"	106° 11' 51"					F-48-33-C
đèo Tài Hồ Sìn	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 45"	106° 10' 19"					F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Bế Triều	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 42' 20"	106° 11' 00"	F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm An Phú	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Bản Sẩy	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 06"	106° 09' 43"					F-48-33-C
xóm Bản Vạn 1	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 59"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Bản Vạn 2	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Chung Mu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 24"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Đà Lạn	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 10' 08"					F-48-33-C
xóm Đông Viảo	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 42"	106° 09' 47"					F-48-33-C
xóm Khao Coi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 00"	106° 09' 56"					F-48-33-C
xóm Khau Hoa	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 15"	106° 10' 12"					F-48-33-C
xóm Khuổi Vạ	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 21"	106° 10' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lăng Phia (Lăng Phja)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Bưa	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Mò	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 14"	106° 10' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pia (Nà Pja)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Sa - Nà Gường	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 48"	106° 10' 47"					F-48-33-C
hồ Nà Tấu	TV	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 17"	106° 11' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Vài	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Vấu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 43"	106° 10' 27"					F-48-33-C
xóm Pác Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 32"	106° 09' 16"					F-48-33-C
Thủy Lợi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Vò Đáo	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 09' 51"					F-48-33-C
xóm Vò Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 11' 54"					F-48-33-C
xóm Bó My	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 01"	106° 08' 28"					F-48-33-C
sông Hiền	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An			22° 37' 08"	106° 06' 48"	22° 35' 45"	106° 08' 56"	F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
điểm du lịch Khuổi Lái	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 08"	106° 10' 48"					F-48-33-C
xóm Khuổi Lầy	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 36' 25"	106° 07' 54"					F-48-33-C
xóm Khuổi Rì	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 09' 30"					F-48-33-C
núi Là Nìn	SV	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 22"	106° 09' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Hoan	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 46"	106° 08' 55"					F-48-33-C
xóm Nà Niền	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 07"	106° 08' 46"					F-48-33-C
xóm Nà Phung	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 36"	106° 09' 38"					F-48-33-C
Nà Toán	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 17"	106° 08' 39"					F-48-33-C
xóm Nà Vường	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 34"	106° 09' 29"					F-48-33-C
xóm Thin Tẳng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 22"	106° 09' 05"					F-48-33-C
Vò Dại	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 31"	106° 09' 21"					F-48-33-C
núi Gũ Nhiều	SV	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 07' 23"					F-48-33-C
xóm Ảng Giàng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 05"	106° 07' 46"					F-48-33-C
xóm Bản Séng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
sông Bằng Giang	TV	xã Bình Long	H. Hòa An			22° 44' 47"	106° 07' 23"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	F-48-33-C
xóm Bó Roỏm	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
xóm Cốc Lại	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 48"	106° 08' 05"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Bình Long	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	F-48-33-C
xóm Đoỏng Kính	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 07' 56"					F-48-33-C
xóm Đức Bình	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 41"	106° 07' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Luông	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 34"	106° 06' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Chung	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 54"	106° 07' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Bát	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 52"	106° 07' 36"					F-48-33-C
xóm Nà Giảo	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 08' 10"					F-48-33-C
DTLS Nhà ông Bế Ích Bồng	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nhà ông Đàm Nhật Chảnh	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Cam	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 07' 35"					F-48-33-C
xóm Pác Gậy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 07' 15"					F-48-33-C
xóm Thái Cường	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 08' 30"					F-48-33-C
xóm Thang Lầy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 08' 27"					F-48-33-C
xóm Thua Khau	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 07' 18"					F-48-33-C
núi Kéo Lầm	SV	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 44' 10"	106° 01' 36"					F-48-33-C
núi Lũng Củm	SV	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 04"	106° 01' 34"					F-48-33-C
xóm Cốc Phăng	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 40"	106° 01' 13"					F-48-33-C
Già Vài	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 57"	106° 02' 16"					F-48-33-C
xóm Lũng Diều	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 41"	106° 01' 32"					F-48-33-C
xóm Lũng Mải	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 01' 40"					F-48-33-C
xóm Lũng Oong	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 02' 22"					F-48-33-C
Lũng Pẻn	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 02' 08"					F-48-33-C
Lũng Rươi	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 46"	106° 01' 32"					F-48-33-C
Lũng Sao	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 03"	106° 01' 41"					F-48-33-C
Lũng Xen	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 02' 14"					F-48-33-C
Nà Sâm	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 02' 02"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Công Trừng	H. Hòa An			22° 40' 54"	106° 02' 35"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Oong Mận	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
Pác Cơi	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 01' 01"					F-48-33-C
xóm Héc Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 11' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Héc Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 12' 11"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Tắt	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An							
núi Khẻo Khao	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 41"	106° 12' 54"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lủng Háng	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 26"	106° 11' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 12' 46"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 05"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 36"	106° 12' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Tẩư	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 12' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Bon	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 52"	106° 12' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khan	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 49"	106° 10' 33"					F-48-33-A+21-C
Nà Vỉnh	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 11' 11"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 47' 08"	106° 05' 38"	22° 48' 03"	106° 02' 07"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chang	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 09"	106° 03' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Dủa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 04' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hóa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 01"	106° 05' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Mạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 04' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Sỉnh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 50"	106° 04' 42"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bằng Giang	TV	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 50' 40"	106° 02' 17"	22° 46' 25"	106° 05' 29"	F-48-33-A+21-C
xóm Bó Nình	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Danh Sỹ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 55"	106° 04' 53"					F-48-33-A+21-C
xóm Đỏng An	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Hoằng Súm	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Kéo Thin	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Khau Khá	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 48"	106° 06' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 48"	106° 02' 57"					F-48-33-A+21-C
Khuổi Moòng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 25"	106° 03' 14"					F-48-33-A+21-C
Khuổi Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 35"	106° 02' 15"					F-48-33-A+21-C
Liên Oa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 06' 19"					F-48-33-A+21-C
Lũng Duống	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 02' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Lũng Lìu	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Lũng Mần	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 25"	106° 02' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 07"	106° 05' 30"					F-48-33-A+21-C
Ma Pản	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
đèo Mã Quỷnh	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 03"	106° 02' 07"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Min Sáng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 05' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
Nà Cơ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 40"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Đán	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Mèo	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 05' 57"					F-48-33-A+21-C
Nà Min	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 44"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nhừ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Phia	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 55"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Sẳng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 08"	106° 05' 02"					F-48-33-A+21-C
mỏ sắt Ngườm Cháng	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 05' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Bó	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 10"	106° 04' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Phiắc Cát	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 14"	106° 03' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Pò Mì	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 06"	106° 04' 27"					F-48-33-A+21-C
Tân Hương	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 31"	106° 03' 54"					F-48-33-A+21-C
Vàn Gà	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 204	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 40"	106° 07' 07"	22° 47' 08"	106° 05' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chung	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 35"	106° 06' 34"					F-48-33A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 25"	106° 05' 29"	22° 44' 41"	106° 08' 26"	F-48-33-A+21-C
xóm Bằng Hà 1	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 49"	106° 08' 50"					F-48-33-C
xóm Bằng Hà 2	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 01"	106° 08' 59"					F-48-33-C
xóm Cốc Lùng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 18"	106° 06' 48"					F-48-33A+21-C
xóm Cốc Phát	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 39"	106° 06' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Huổng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 04"	106° 07' 55"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Khang	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 07"	106° 06' 08"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Lỷ	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Khuổi Ghẹn	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 11"	106° 05' 42"					F-48-33A+21-C
núi Khuổi Lóa	SV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 55"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 16"	106° 08' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dào - Nà Hoàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Đông	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 36"	106° 07' 23"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Đuốc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 56"	106° 06' 46"					F-48-33A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Gọn	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Hăng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Khau	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 05"	106° 06' 49"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mỏ	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 23"	106° 07' 52"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mò - Bản Mới	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Niền	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 58"	106° 07' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pẳng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 47' 02"	106° 05' 59"					F-48-33A+21-C
Nặm Thoong	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 37"	106° 06' 56"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Nà - Nà Loòng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 53"	106° 07' 04"					F-48-33A+21-C
xóm Phai Thin	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 34"	106° 07' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Phia Gào	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 30"	106° 08' 36"					F-48-33-A+21-C
hồ Phia Gào	TV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 08' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Phia Tráng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 13"	106° 07' 29"					F-48-33A+21-C
xóm Thắc Tháy	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 55"	106° 08' 03"					F-48-33A+21-C
xóm Thua Cáy	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 06' 12"					F-48-33A+21-C
xóm Ca Rài	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Khao	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 12' 59"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Tắt	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 15' 09"					F-48-33-B
xóm Lũng Duốc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							
xóm Lũng Rì	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 46' 17"	106° 13' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 43"	106° 13' 27"					F-48-33-A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 38' 10"	106° 18' 46"	22° 35' 26"	106° 21' 38"	F-48-33-D
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 09"	106° 20' 08"					F-48-33-D
xóm Khuổi Lũng	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 50"	106° 19' 22"					F-48-33-D
Khuổi Piỏng	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 36' 59"	106° 20' 38"					F-48-33-D
xóm Lũng Măn	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 00"	106° 21' 22"					F-48-33-D
xóm Nà Lại	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 20"	106° 20' 33"					F-48-33-D
xóm Nà Mùi	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An							
xóm Nặm Tàn	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 18"	106° 20' 18"					F-48-33-D
núi Phia Đeng	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 35' 59"	106° 21' 25"					F-48-33-D
đồi Roỏng Rảc	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 29"	106° 19' 18"					F-48-33-D
suối Roỏng Rảc	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 37' 43"	106° 20' 28"	22° 37' 07"	106° 20' 33"	F-48-33-D
đền Vua Lê	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bản Chạp	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 10' 31"					F-48-33-C
xóm Bản Giải	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 54"	106° 10' 26"					F-48-33-C
xóm Bản Tấn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 39' 55"	106° 10' 06"					F-48-33-C
xóm Bến Đò	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 10' 46"					F-48-33-C
xóm Bó Bủn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 23"	106° 09' 36"					F-48-33-C
xóm Bó Lếch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 06"	106° 09' 50"					F-48-33-C
DTLS Cốc Phát	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Hào Lịch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 51"	106° 09' 01"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kế Nông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 26"	106° 09' 58"					F-48-33-C
xóm Khau Luông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 09' 44"					F-48-33-C
xóm Khuổi Áng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 09' 10"					F-48-33-C
hồ Khuổi Áng	TV	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 21"	106° 09' 26"					F-48-33-C
xóm Làng Đền	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 35"	106° 10' 21"					F-48-33-C
xóm Na Lữ	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 10"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Nâm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 15"	106° 09' 21"					F-48-33-C
xóm Na Riềm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							
DTLS Nặm Lìn	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Ngườm Sưa	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
nhà máy Sắt Xốp	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
Bó Pia	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 20"	106° 21' 58"					F-48-33-D
Chà Lầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 14"	106° 23' 05"					F-48-33-D
núi Cốc Păng	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 47"	106° 20' 34"					F-48-33-D
suối Kẻm Coỏng	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An			22° 34' 19"	106° 20' 19"	22° 35' 14"	106° 21' 48"	F-48-33-D
xóm Kẹm Coỏng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 57"	106° 21' 30"					F-48-33-D
Khau Thây	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 20"	106° 21' 34"					F-48-33-D
xóm Khấy Tấu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 21"	106° 22' 04"					F-48-33-D
Khuổi Khun	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 12"	106° 22' 58"					F-48-33-D
suối khuổi Linh	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An			22° 34' 31"	106° 22' 20"	22° 32' 43"	106° 22' 41"	F-48-33-D
xóm Khuổi Linh	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An							
xóm Khuổi Sàng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 30"	106° 23' 16"					F-48-33-D
Linh Đẩu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 49"	106° 22' 39"					F-48-33-D
Linh Nọc	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 42"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Cải	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 21' 14"					F-48-33-D
Lũng Nhùng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 47"	106° 21' 29"					F-48-33-D
Nà Mười	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 35"	106° 22' 37"					F-48-33-D
Ná Ngườm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 38"	106° 21' 52"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Tổng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 17"	106° 22' 38"					F-48-33-D
Ngườm Cuông	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 59"	106° 23' 41"					F-48-33-D
Pác Sâm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 14"	106° 23' 42"					F-48-33-D
Phia Ban	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 47"	106° 23' 10"					F-48-33-D
Phia Tẻn	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 31"	106° 22' 43"					F-48-33-D
Phiêng Phìa	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 00"	106° 22' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Phìa - Cốc Cam	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 34"	106° 22' 46"					F-48-33-D
núi Tóc Lang	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 22"	106° 20' 53"					F-48-33-D
xóm Bản Giàng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 08' 54"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 44' 08"	106° 09' 09"	22° 42' 48"	106° 10' 11"	F-48-33-C
hang Bó Hoài	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
hang Bó Tháy	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Dẻ Đoóng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 08' 49"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	
xóm Đoỏng Chỉa	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 30"	106° 09' 12"					F-48-33-C
đền Giẻ Đoóng	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
Lủng Hoài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 09"	106° 08' 22"					F-48-33-C
xóm Lũng Phấy	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
vách núi Lũng Sa	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Nà Dưởng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 50"	106° 08' 23"					F-48-33-C
xóm Nà Ky	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 09' 02"					F-48-33-C
xóm Nà Mè	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 32"	106° 09' 27"					F-48-33-C
xóm Nà Tẻng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Nà Vài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 57"	106° 08' 38"					F-48-33-C
xóm Nà Vàn	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nền nhà ông Mã Văn Hản	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Ngườm Bốc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
thành Nhà Mạc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
núi Phia Rạc	SV	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 07' 24"					F-48-33-C
hang Tốc Rù	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Vò Ấu	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Vò Rài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Goòng Chang	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 35"	106° 16' 14"					F-48-33-D
xóm Goòng Nưa	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 35' 52"	106° 16' 39"					F-48-33-D
suối Goòng Nưa	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 35' 56"	106° 16' 42"	22° 36' 10"	106° 16' 31"	F-48-33-D
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 41"	106° 12' 58"	22° 38' 48"	106° 14' 38"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 11"	106° 13' 39"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
suối Hồng Bạch	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 10"	106° 16' 31"	22° 36' 52"	106° 16' 04"	F-48-33-D
suối Hồng Minh	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 02"	106° 14' 48"	22° 38' 08"	106° 14' 30"	F-48-33-C
núi Khuổi Cáy	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 27"	106° 15' 13"					F-48-33-D
núi Khuổi Gòong	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 35' 41"	106° 15' 49"					F-48-33-D
xóm Khuổi Thán	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 34' 59"	106° 16' 01"					F-48-33-D
suối Khuổi Thán	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 34' 50"	106° 16' 33"	22° 35' 32"	106° 15' 09"	F-48-33-D
xóm Nà Đin	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 10"	106° 13' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Mấn	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 54"	106° 15' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Mười - Khuổi Diển	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An							
xóm Nà Tổng	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 32"	106° 13' 44"					F-48-33-C
xóm Pác Háo - Nà Pìn	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 48"	106° 13' 24"					F-48-33-C
xóm Pác Khuổi	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 38' 34"	106° 14' 22"					F-48-33-C
khau Quân	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 23"	106° 14' 19"					F-48-33-C
núi Tăng Xê Nhật	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 51"	106° 15' 53"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 48' 47"	106° 06' 48"	F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Bó Báng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 08' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Chang Giang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 41"	106° 10' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Lùng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 07' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Khao	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 36"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Kheo	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 49' 20"	106° 09' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Hoan - Đông An	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 58"	106° 09' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Láng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 51"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Háng Hóa	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Lềm	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Lăng Rườn	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 07' 46"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Cảm	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 46"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Giàng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 09' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ban - Pác Muổng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 46"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Đán - Vò Khuốt	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 13"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Diểu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Hoài	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 09' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 50"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khao	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 07' 40"					F-48-33-A+21-C
suối Nà Khao	TV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 31"	106° 06' 55"	22° 46' 57"	106° 07' 30"	F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngoải - Chỏ Siêu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 09' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Quý	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rị	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 24"	106° 06' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Thang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 59"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
hang Nghị Rằng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Hoài	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Mác Men	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Póong	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
núi Pác My	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 58"	106° 08' 40"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Pan	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 06"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C
núi Róng Răng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Roỏng Nằng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 09' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Tàng Cải	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 06' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Văn Thụ	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 49"	106° 09' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Chang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 09' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Xả	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 47"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
quốc lộ 3	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 42' 26"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	
xóm Bản Gủn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 19"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Bản Máp	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 28"	106° 14' 53"					F-48-33-D
xóm Bản Phiấy	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 10"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Pheo	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 15' 59"					F-48-33-B
suối Gủn	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 41' 37"	106° 15' 38"	22° 41' 20"	106° 16' 15"	F-48-33-D
núi Kéo Tắt	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 46"	106° 14' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Hân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 33"	106° 15' 51"					F-48-33-D
suối Khuổi Hân	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An							
xóm Khuổi Hoi	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 13' 34"					F-48-33-C
suối Khuổi Hoi	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 43' 57"	106° 13' 46"	22° 43' 23"	106° 13' 36"	F-48-33-C
xóm Khuổi Khoán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 03"	106° 12' 50"					F-48-33-C
suối Khuổi Khoán	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 44' 49"	106° 14' 01"	22° 44' 25"	106° 13' 14"	F-48-33-C
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 16' 48"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Quân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 16' 20"					F-48-33-D
núi Lũng Chính	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 16' 11"					F-48-33-B
xóm Lũng Gà	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 38"	106° 16' 15"					F-48-33-B
xóm Lũng Luông	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 27"	106° 16' 17"					F-48-33-B
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 42"	106° 16' 43"					F-48-33-D
xóm Nà Mẩn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 27"	106° 15' 12"					F-48-33-D
xóm Nà Tú	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 04"	106° 14' 45"					F-48-33-C
cầu Nậm Pang	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 16' 49"					F-48-33-D
xóm Pác Bó	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 17' 29"					F-48-33-D
núi Sam Tầng	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 12' 58"					F-48-33-C
núi Thăng Kiều	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 19"	106° 16' 18"					F-48-33-B
trạm Thủy điện T8	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 16' 33"					F-48-33-D
núi Vò Điểm	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 12"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Xá Lủa	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 24"	106° 16' 59"					F-48-33-B
quốc lộ 3	KX	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An			22° 43' 11"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	F-48-33-D
xóm Án Lại	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 00"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi An Mạ	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Canh Biện A	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 47"	106° 18' 21"					F-48-33-D
xóm Canh Biện B	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Công Án	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 23"	106° 18' 43"					F-48-33-D
xóm Củm Cuối	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 27"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Khau Chang	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 19' 34"					F-48-33-D
đèo Mã Phục	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Danh	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 18"	106° 18' 59"					F-48-33-D
xóm Nậm Loát	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 25"	106° 18' 06"					F-48-33-D
xóm Thang Tả	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An							F-48-33-D
núi Thang Tả	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 47"	106° 17' 10"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chính Nặm	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 08"	106° 17' 24"					F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 48"	106° 18' 31"					F-48-33-D
suối Cốc Tém	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 38' 48"	106° 19' 36"	22° 38' 48"	106° 17' 56"	F-48-33-D
xóm Cộp My	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An							
xóm Đông Sằng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 26"	106° 19' 04"					F-48-33-D
núi Giả Vuồng	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 17' 38"					F-48-33-D
suối Gủn	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 41' 20"	106° 16' 15"	22° 42' 25"	106° 16' 46"	F-48-33-D
núi Kê Tái	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 18' 22"					F-48-33-D
xóm Khau Súng - Khuổi Bắc	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 17' 32"					F-48-33-D
xóm Khuổi Khoang	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
Lũng Pán	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 39"	106° 18' 35"					F-48-33-D
núi Lũng Thau	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 24"	106° 19' 10"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 19"	106° 17' 44"					F-48-33-D
Nà Cà	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 47"	106° 17' 08"					F-48-33-D
Nà Phiêng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 17' 00"					F-48-33-D
xóm Pàn Kèng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 52"	106° 17' 13"					F-48-33-D
xóm Phan Thanh	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 03"	106° 19' 07"					F-48-33-D
núi Pì Ta	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 12"	106° 18' 49"					F-48-33-D
thủy điện Suối Củn	KX	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 11' 33"					F-48-33-C
núi Vò Nhật	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 03"	106° 17' 22"					F-48-33-D
xóm Bản Cải	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 39' 35"	106° 20' 41"					F-48-33-D
xóm Bản Đơ (Bản Đâư)	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 39' 46"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Bó Mu	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 18' 34"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 19' 51"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 53"	106° 19' 41"					F-48-33-D
xóm Cốc Phung	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 20' 53"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đạy Mã	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Cút	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 20' 16"					F-48-33-D
núi Lũng Đội	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 19' 36"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạ	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 20' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 42' 15"	106° 20' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 21' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Sào	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 41"	106° 19' 13"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 38' 56"	106° 21' 23"					F-48-33-D
xóm Pàn Mỏ	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 38' 45"	106° 21' 05"					F-48-33-D
xóm Thua Tổng	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 19' 01"					F-48-33-D
núi Tình Rào	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 40' 38"	106° 20' 12"					F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 40"	106° 03' 29"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 44' 43"	106° 02' 17"	22° 43' 30"	106° 06' 06"	F-48-33-C
Nhà máy Điện Nà Ngàn	KX	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 06"	106° 02' 54"					F-48-33-C
xóm Giang Lâm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 45' 07"	106° 02' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Gùa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 26"	106° 03' 37"					F-48-33-C
núi Kéo Nhảng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 02' 13"					F-48-33-C
núi Kéo Quảng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 50"	106° 04' 30"					F-48-33-C
xóm Kéo Tằm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 44"	106° 02' 26"					F-48-33-C
núi Khuổi Ỏ	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 03' 56"					F-48-33-C
suối Khuổi Tâm	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 42' 40"	106° 04' 17"	22° 43' 15"	106° 03' 26"	F-48-33-C
Lũng Lừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Mừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 03' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Ngàn	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 17"	106° 04' 02"					F-48-33-C
Nà Pai	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 52"	106° 03' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Quang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 03' 58"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Quang - Sam Luồng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Hoáng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Phấy	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 20"	106° 03' 37"					F-48-33-C
Nà Ràng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 04' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Thúm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 41' 45"	106° 02' 51"	22° 44' 33"	106° 03' 38"	F-48-33-C
Phác Phẹo	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C
Phia Sưa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 38"	106° 03' 33"					F-48-33-C
xóm Sam Luồng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 55"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Sí Liểng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 12"	106° 03' 28"					F-48-33-C
Then Phong	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 56"	106° 03' 31"					F-48-33-C
xóm Viểng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 03' 28"					F-48-33-C
tổ 1	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
tổ 2	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
tổ 5	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 07"	105° 57' 16"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình			22° 38' 53"	105° 58' 54"	22° 39' 17"	105° 56' 52"	F-48-32-D
xóm Bản Luộc	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 38' 49"	105° 56' 59"					F-48-32-D
Cáp Cổ	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 40' 40"	105° 57' 43"					F-48-32-D
xóm Cốc Tăm	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 40' 00"	105° 58' 08"					F-48-32-D
xóm Khuổi Bó	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 23"	105° 57' 53"					F-48-32-D
xóm Nà Bon	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 38' 22"	105° 57' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Cọn	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 17"	105° 58' 30"					F-48-32-D
xóm Nà Kéo	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 17"	106° 59' 14"					F-48-32-D
Nà Phiêng	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 16"	105° 59' 07"					F-48-32-D
xóm Pác Măn Ngoài	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 30"	105° 58' 34"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Măn Trong	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 39' 34"	105° 58' 54"					F-48-32-D
tổ Tân Bình	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 38' 38"	105° 57' 27"					F-48-32-D
xóm Thôm Sắn	DC	TT. Nguyên Bình	H. Nguyên Bình	22° 38' 24"	105° 57' 42"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 39' 24"	105° 50' 44"	F-48-32-D
xóm Hồng Hà	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 38' 45"	105° 53' 48"					F-48-32-D
tổ Hồng Hữu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 39' 01"	105° 53' 15"					F-48-32-D
tổ Hồng Nhị	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 38' 38"	105° 54' 02"					F-48-32-D
tổ Hồng Trung	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 38' 43"	105° 53' 00"					F-48-32-D
bệnh viện Mỏ	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 39' 07"	105° 53' 14"					F-48-32-D
xóm Nặm Slâu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 39' 25"	105° 51' 04"					F-48-32-D
đền Ông Búa	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình							
Mỏ Thiếc Tĩnh Túc	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 39' 47"	105° 52' 20"					F-48-32-D
xóm Thôm Ổ	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyên Bình	22° 38' 17"	105° 54' 13"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình			22° 40' 15"	106° 04' 55"	22° 39' 40"	106° 02' 18"	F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 42"	106° 04' 10"					F-48-33-C
xóm Bản Ính	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 39' 52"	106° 04' 27"					F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 29"	106° 03' 59"					F-48-33-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 44"	106° 04' 25"					F-48-33-C
xóm Khuổi Lầu	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình							
Lũng Dụng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 38"	106° 01' 55"					F-48-33-C
xóm Lũng Nặm	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình							
Lũng Rằng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 17"	106° 03' 45"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình			22° 39' 41"	106° 02' 17"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Tà Páng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 40' 24"	106° 02' 40"					F-48-33-C
xóm Tà Sa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 39' 52"	106° 02' 53"					F-48-33-C
thủy điện Tà Sa	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyên Bình	22° 39' 53"	106° 02' 39"					F-48-33-C

(Xem tiếp Công báo số 633 + 634)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng